MôC LôC

Lêi më ®Çu

Chương I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.1. Một số vấn đề chung.....3

1.1.1. Doanh thu 3

1.1.1.1. Khái niệm 3

1.1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu 3

1.1.1.3. Các khoản giảm trừ doanh thu 4

1.1.2. Chi phi 5

1.1.2.1. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh 5

1.1.2.2. Chi phí tài chính 6

1.1.2.3. Chi phí khác 6

1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh 6

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 6

1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết qủa kinh doanh trong doanh nghiệp..... 7

1.2.1. Kế toán doanh thu 7

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 7

1.2.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.....12

1.2.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính.....14

12.1.4. Xác định thu nhập khác 16

1.2.2. Kế toán chi phí.....18

1.2.2.1. Giá vốn hàng bán.....18

1.2.2.2. Chi phí bán hàng 18

1.2.2.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp.....20

1.2.2.4. Chi phí hoạt động tài chính.....22

1.2.2.5. Chi phí khác.....23

1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....25

1.3. Hệ thống sổ sách sử dụng trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....26
1.3. 1. Đặc trưng cơ bản của hình thúc kế toán nhật ký- chứng từ.....27
1.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký - chứng từ.....28
1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp.....29
Chương II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG.....31
2.1. Một số nét khái quát về công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư HP... 31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....31
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.....31
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý.....32
2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán công ty.....34
2.1.4.1. Bộ máy kế toán.....34
2.1.4.2. Hệ thống sổ sách kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.....35
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kê toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.....36
2.2.1. Phương pháp kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.....36
2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....36
2.2.1.2. Sổ sách sử dụng.....36
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.....36
2.2.1.4. Quy trình hạch toán.....37
A. Kế toán doanh thu, thu nhập tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.....37
a. Kế toán doanh thu.....37
b. Các khoản giảm trừ doanh thu (Giảm giá công trình, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.).....43

c. Kê toán doanh thu hoạt động tài chính 44
d. Hạch toán thu nhập khác.....47
B. Tổ chức kế toán chi phí tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng 51
a. Giá vốn hàng bán 52
b.Chi phí quản lý doanh nghiệp.....56
c. Chi phí hoạt động tài chính.....62
d.Chi phí khác 66
e. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 69
C. Tổ chức kế toán xác định kêt quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng 72
Chương III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG.....79
3.1. Những nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng 79
3.1.1. Ưu điểm 80
a. Về tổ chức công tác kế toán.....80
b. Đối với công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty 81
3.1.2. Tồn tại 82
a. Về tài khoản sử dụng.....82
b. Sổ sách sử dụng 82
c. Về việc thanh toán công nợ.....82
3.1. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư HP.... 83
3.2.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện 83
3.2.2. Nguyên tắc của việc hạch toán 83
3.2.3. Một số biện pháp 84
a. Về tài khoản sử dụng..... 84

b. Về sổ sách sử dụng 85
c. Các khoản chiết khấu thanh toán 90
d. Về việc quản lý chứng từ 90
e. Về việc xác định kết quả kinh doanh 91
kÕt luËn

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp là một tế bào quan trọng trong nền kinh tế quốc dân thống nhất, mỗi doanh nhân là một chiến sĩ trên mặt trận kinh tế. Sự phát triển không ngừng của các doanh nghiệp sẽ góp phần đảm bảo cho nền kinh tế phồn vinh thịnh vượng. Đối với các doanh nghiệp, mục tiêu của hoạt động sản xuất kinh doanh là thu được lợi nhuận cao. Trong nền kinh tế thị trường vơi sự vận động của nền kinh tế, quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu để hoạt động sản xuất có lợi nhuận cao không đơn giản. Sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả hay không là phụ thuộc vào trình độ quản lý, vào mức độ hoàn thiện các khâu sản xuất – phân phối – tiêu dùng. Như vậy tổ chức quá trình sản xuất tiêu thụ hợp lý là vấn đề bao trùm của hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Nếu không tiêu thụ được sản xuất hàng hoá thì không những doanh nghiệp không bù đắp được chi phí bỏ ra để tái sản xuất giản đơn mà doanh nghiệp sẽ lâm vào tình trạng đứng bên bờ phá sản.

Trong nhóm các nghành trực tiếp sáng tạo ra của cải vật chất, xây lắp là một ngành sản xuất độc lập có chức năng tái tạo tài sản cố định. Nó thể hiện đầy đủ tập trung nhất việc thực hiện quan hệ hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp xây lắp và đơn vị giao thầu. Bàn giao các công trình, lao vụ dịch vụ hoàn thành và xác định kết quả kinh doanh để trang trải chi phí bỏ ra trong suốt quá trình sản xuất nhằm xác định được lợi nhuận mà doanh nghiệp đã đạt được để tiếp tục duy trì và phát triển công ty, phản ánh và cung cấp kịp thời giúp các cấp lãnh đạo tìm ra các biện pháp tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty một cách hiệu quả, khắc phục nhược điểm, phát huy ưu điểm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp phát triển bền vững.

Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, cùng với sự giảng dạy tận tình của cô giáo, thạc sỹ Nguyễn Thị Thúy Hồng và các cán bộ nhân viên phòng kế toán công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng, em đã học thêm

được nhiều kiến thức và mạnh dạn chọn đề tài " **Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng".**

Nội dung của bài khoá luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

- Chương I: Những lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Chương II: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.
- Chương III: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.

CHƯƠNG I :
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.1.Một số vấn đề chung.

1.1.1.Doanh thu

1.1.1.1. Khái niệm

Doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu thêm ngoài giá bán.

- Doanh thu bán hàng nội bộ: là doanh thu của số hàng hóa, lao vụ, sản phẩm tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn lien hiệp xí nghiệp.

- Doanh thu hoạt động tài chính: là những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đưa lại.

- Thu nhập khác: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

1.1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm và hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh nghiệp đã xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh nghiệp phải xác định thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá cho người mua trong trường hợp cụ thể. Trong hầu hết các trường hợp, thời điểm giao nhận phần lớn rủi ro trùng với thời điểm chuyển giao lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hợp pháp hoặc quyền kiểm soát hàng hoá cho người mua.

- Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn phải chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận. Doanh nghiệp còn phải chịu rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đối với nhiều hình thức khác nhau như:

- Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho tài sản được hoạt động bình thường mà điều này không nằm trong các điều khoản bảo hành thông thường.
- Khi việc thanh toán bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua hàng hoá đó.
- Khi hàng hoá được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành.
- Khi người mua có quyền hủy bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

1.1.1.3. Các khoản giảm trừ doanh thu.

Là các tài khoản phát sinh làm giảm doanh thu bán hàng trong kỳ. Các khoản giảm trừ theo chế độ hiện hành bao gồm:

- TK 521 : Chiết khấu thương mại.

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

- TK 532 : Giảm giá hàng bán.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu. Như vậy giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại có cùng bản chất như nhau: đều là giảm giá cho người mua, song lại phát sinh trong hai tình huống hoàn toàn khác nhau.

- TK 531: Hàng bán bị trả lại.

Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Thuế TTĐB, thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

Là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của các luật thuế tùy thuộc vào những mặt hàng khác nhau. Thuế tiêu thụ đặc biệt (trường hợp được coi là một trong những khoản giảm trừ doanh thu) phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vị) thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng. Khi đó doanh thu bán hàng được ghi nhận trong kỳ theo giá bán trả ngay đã bao gồm thuế TTĐB phải nộp vào ngân sách nhà nước căn cứ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

1.1.2. Chi phí

Chi phí là toàn bộ các chi phí liên quan nhằm xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghệp.

1.1.2.1. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm:

- Giá vốn hàng bán: Là trị giá vốn của sản phẩm hành hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

- Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa dịch vụ.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn bộ DN.

1.1.2.2. Chi phí tài chính.

Là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính doanh nghiệp.

1.1.2.3. Chi phí khác.

Là tài khoản phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là các khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra

1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là kết quả cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được sau một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Kết quả của hoạt động kinh doanh thông thường: là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đây là hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là kết quả từ các hoạt động bất thường khác không tạo ra doanh thu của doanh nghiệp được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi khoản thuế GTGT phải nộp được tính theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Nhiệm vụ đặt ra đối với tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp như sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản thu của khách hàng
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng loại hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và tình hình phân phối các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để phục vụ quá trình tiêu thụ hàng hóa doanh nghiệp sử dụng những chứng từ sau:

- Các chứng từ bán hàng: Là cơ sở ghi sổ doanh thu và các sổ kế toán có liên quan đến đơn vị bán, gồm có:

+ Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKL – 3LL)

+ Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 01 GTTT-3LL)

+ Bảng thanh toán tiền hàng đại lý, ký gửi (Mẫu số 01-BH)

+ Thẻ quầy hàng (Mẫu số 02-BH)

+ Bảng kê bán lẻ hàng hóa dịch vụ (Mẫu do công ty quy định)

- Chứng từ về hàng tồn kho: Chứng từ hàng tồn kho thường sử dụng trong quá trình tiêu thụ là: Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, thẻ kho.

- Chứng từ kế toán tiền mặt: Theo dõi tình hình thu chi, tồn quỹ của các loại tiền mặt, các khoản tạm ứng nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho kế toán và quản lý các đơn vị trong lĩnh vực tiền tệ bao gồm: phiếu thu, phiếu chi, biên lai thu tiền, biên bản kiểm kê quỹ.

1.2.1.Kê toán doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

a. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - TK này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm cho doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hoá cho công ty mua.

- Cung ứng dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận như hợp đồng trong một kỳ hoặc trong nhiều kỳ kế toán, như cung cấp vận tải, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động.

Kết cấu TK 511:

- Bên nợ:
- Số thuế tiêu thụ đăc biệt, thuế xuất nhập khẩu phải nộp của số thành phẩm được xác định là tiêu thụ trong kỳ.
- Thuế GTGT phải nộp của đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Bên có:
- Doanh thu sản phẩm hàng hoá và cung cấp dịch vụ trong kỳ.

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

- TK 511 được chi tiết thành:

+ TK 5111: Doanh thu bán hàng

+ TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

+ TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ TK 5114: Doanh thu trợ giá

+ TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

b. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ cơ bản.

*** Hạch toán thanh toán theo phương thức bán buôn, bán lẻ.**

- Bán buôn: Có 2 phương thức là bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

Sơ đồ 1.1: Hạch toán bán hàng theo phương thức bán buôn qua kho.

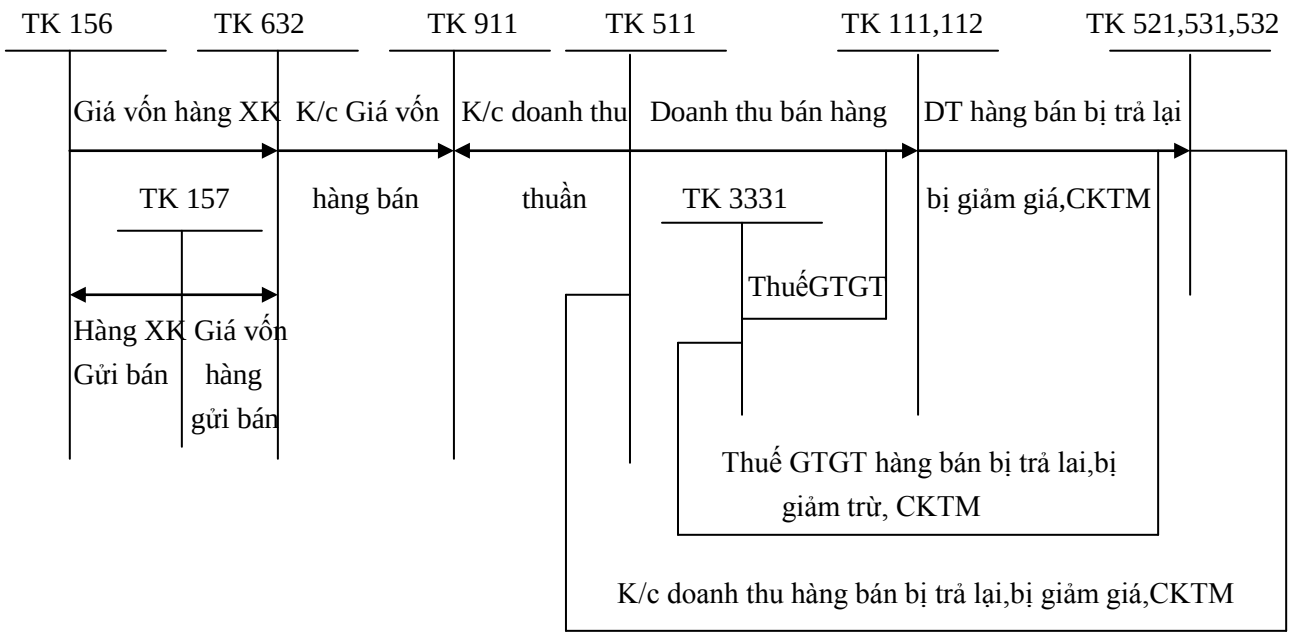

- Bán lẻ: Có các hình thức bán lẻ thu tiền tập trung, bán lẻ thu tiền trực tiếp, bán lẻ tự phục vụ, bán hàng tự động, bán hàng trả chậm trả góp.

Sơ đồ 1.2: Hạch toán bán hàng theo phương thức bán lẻ.

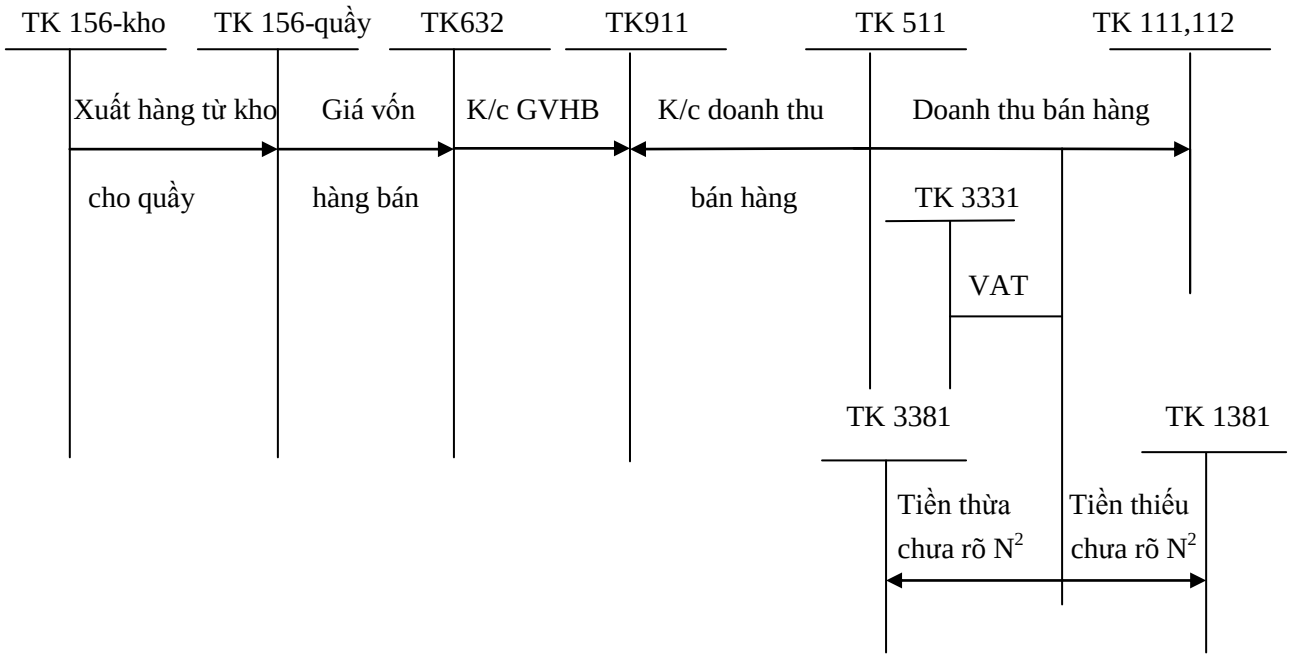

*** Hạch toán tiêu thụ theo phương thức gửi đại lý.**

Bán hàng qua đại lý là phương thức mà bên chủ hàng xuất hàng giao cho bên nhận đại lý ký gửi để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng mua bán giữa hai bên và giao hàng tại địa điểm đã quy ước trong hợp đồng. Khi xuất kho gửi đi bán hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nên chưa xác định là tiêu thụ, tức là chưa hạch toán vào tài khoản doanh thu. Hàng gửi chỉ được xác định là tiêu thụ để hạch toán vào doanh thu trong các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp nhận được tiền do khách hàng trả (Tiền mặt, giấy báo có của ngân hàng, séc…)
- Khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán.
- Khách hàng đã ứng trước tiền mua hàng về số hàng gửi đi bán.

+ Kế toán tại đơn vị giao đại lý.

Sơ đồ 1.3: Hạch toán tiêu thụ cho đại lý giao đại lý (chủ hàng).

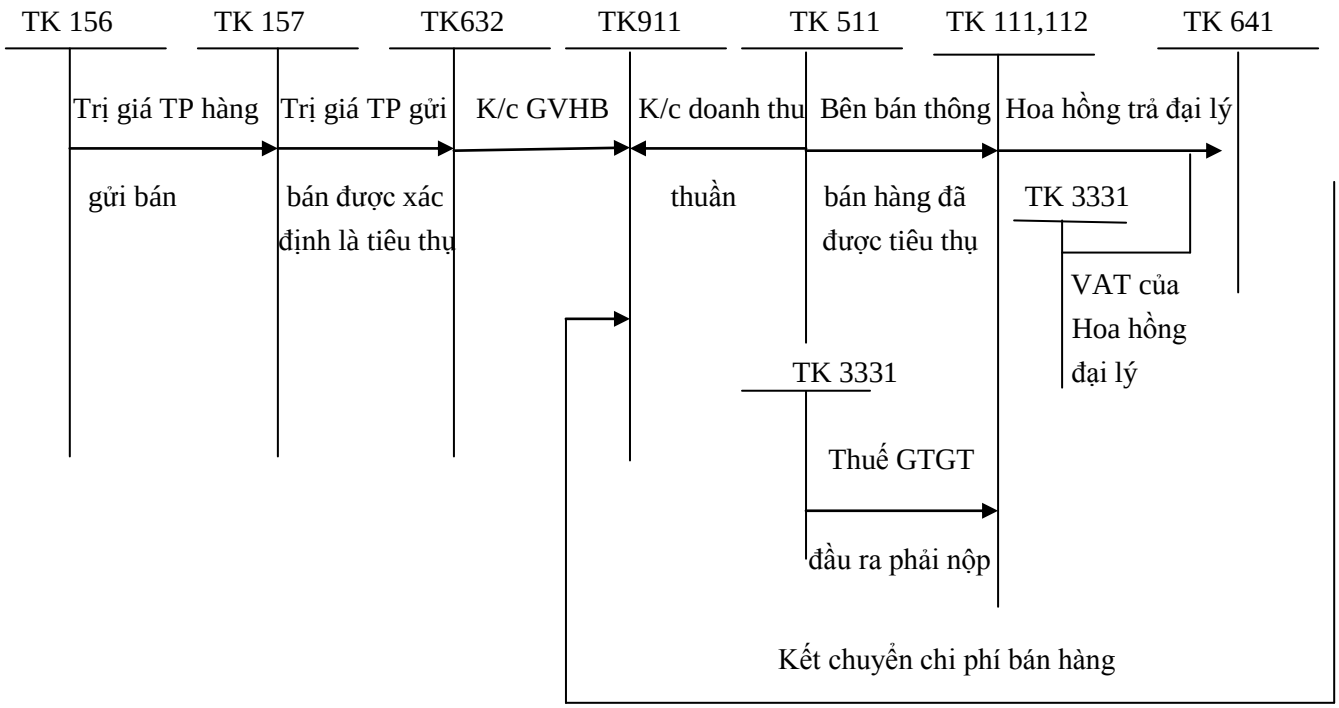

+ Kế toán tại đơn vị nhận đại lý:

Kế toán ghi nhận toàn bộ trị giá số vốn hàng này vào bên nợ TK 003 - Hàng nhận bán hộ, ký gửi. Khi được xác định là tiêu thụ ghi vào bên có TK 003. Doanh thu bán hàng là toàn bộ hoa hồng được hưởng do nhận bán đại lý.

Sơ đồ 1.4: Hạch toán tiêu thụ đại lý đơn vị nhận đại lý.

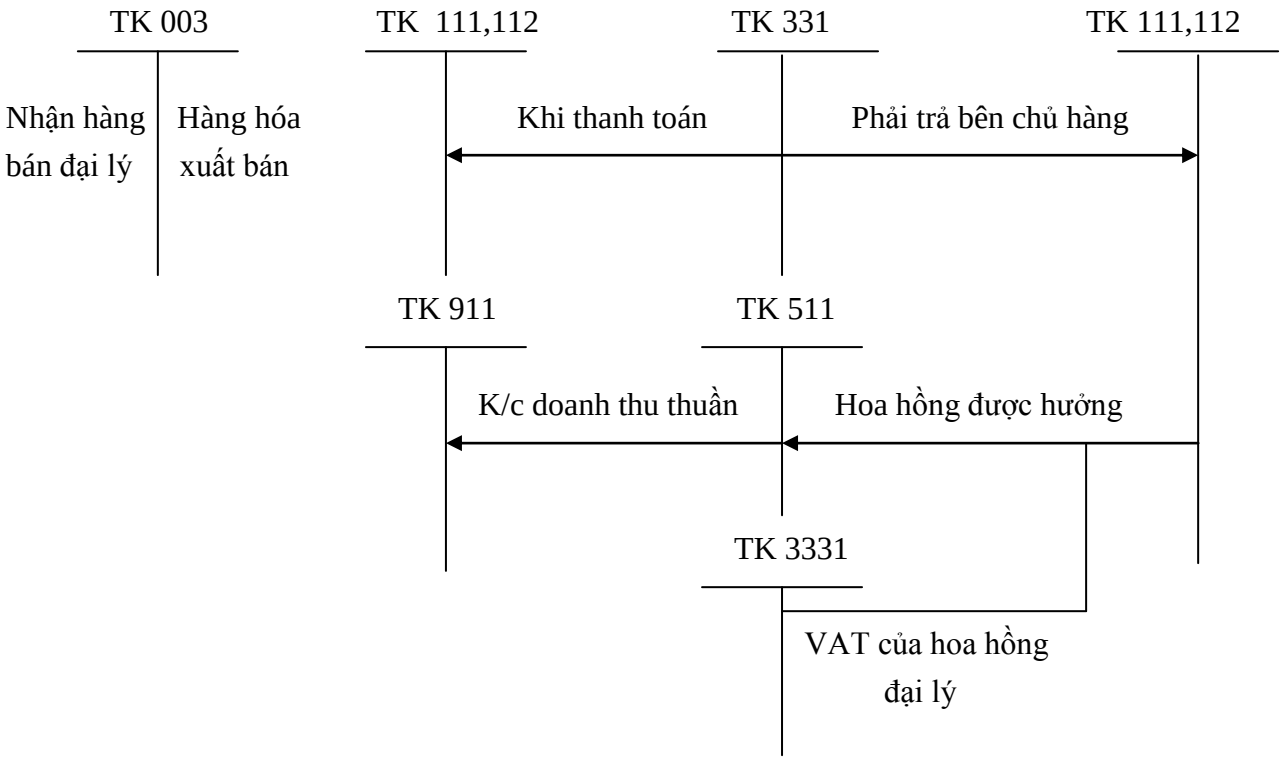

<u>* Hạch toán tiêu thụ theo phương thức trả góp.</u>

Hàng bán trả góp: Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ chấp nhận thanh toán một phần giá trị lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định

Sơ đồ 1.5: Hạch toán tiêu thụ theo phương thức trả góp.

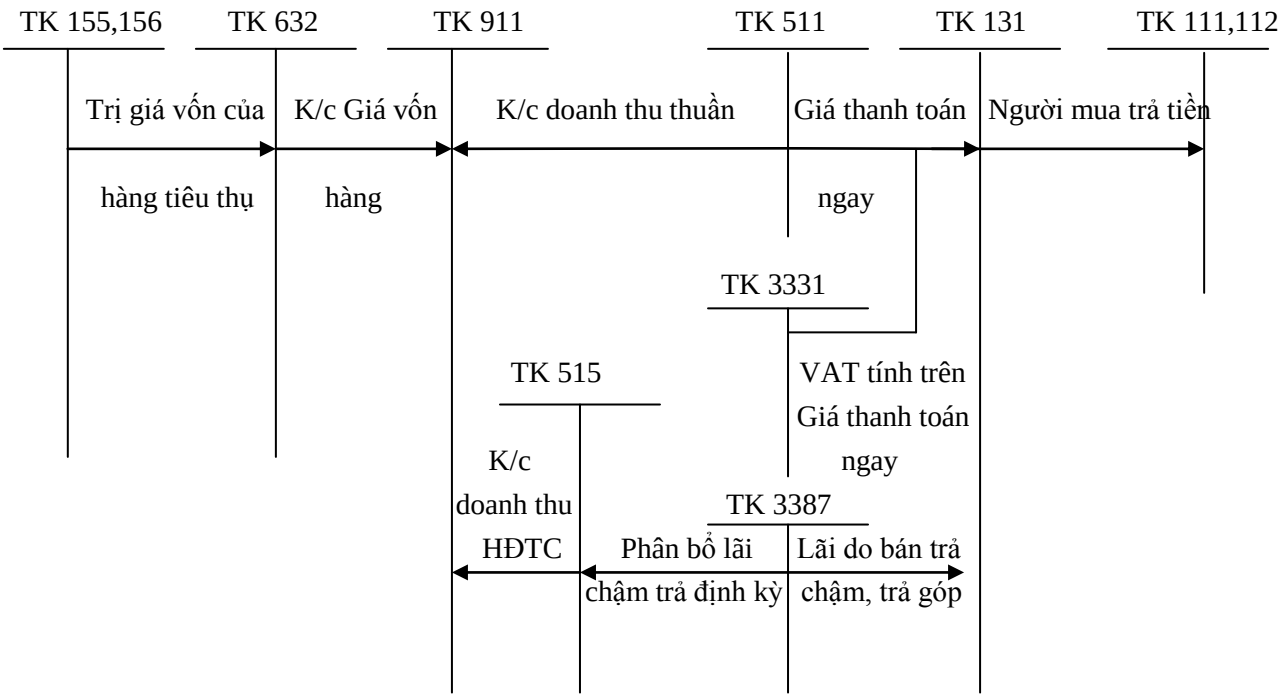

1.2.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.

Tài khoản sử dụng.

- TK 521 : Chiết khấu thương mại.

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Kết cấu tài khoản 521:

- Bên nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Bên có: Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 - " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ", để xác định doanh thu của kỳ báo cáo.

Tk 521 không có số dư cuối kỳ.

- TK 531: Hàng bán bị trả lại.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm hàng hoá bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách.

Kết cấu của TK 531:

- Bên nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.
- Bên có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ TK 511- " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ " hoặc tài khoản 512 - " Doanh thu bán hàng nội bộ ", để xác định doanh thu thuần trong kỳ bán hàng.

TK 531 không có số dư cuối kỳ.

➢ TK 532 : Giảm giá hàng bán.

Là tài khoản phản ánh khoản giảm trừ mà bên bán chấp nhận một cách đặc biệt so với giá đã thoả thuận trên hợp đồng vì lí do hàng kém phẩm chất, mất phẩm chất hay sai quy cách không đúng theo hợp đồng hoặc theo cam kết bán hàng.

- Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định của HĐKT.
- Bên có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 - " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ " hoặc TK 512 – " Doanh thu bán hàng nội bộ ".

TK 532 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.6 : Các khoản giảm trừ doanh thu

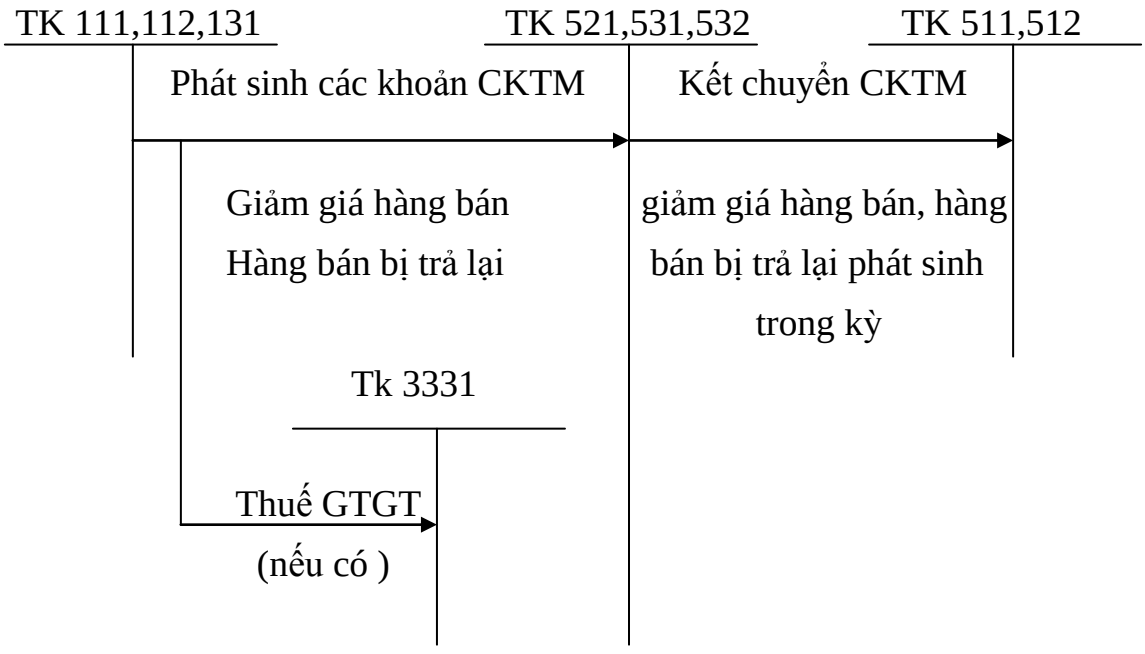

1.2.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính (TK 515).

TK này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Thu lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh liên kết (lợi nhuận được chia) lãi góp vốn cổ phần (cổ tức), lãi tiền gửi ngân hàng thuộc vốn kinh doanh, lãi tiền cho vay…
- Thu tiền lãi do hoạt động nhượng bán ngoại tệ, thu về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ.
- Phân bổ lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái của giai đoạn xây dựng cơ bản trước hoạt động khi doanh nghiệp đi vào hoạt động.
- Tiền hỗ trợ lãi suất tiền vay của nhà nước trong kinh doanh.
- Lãi chuyển nhượng thu hồi vốn.
- Thu hồi chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng…

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 515.

➢ Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

➢ Bên có:

- Doanh thu hoạt đông tài chính phát sinh trong kỳ.

Tk 515 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.7: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

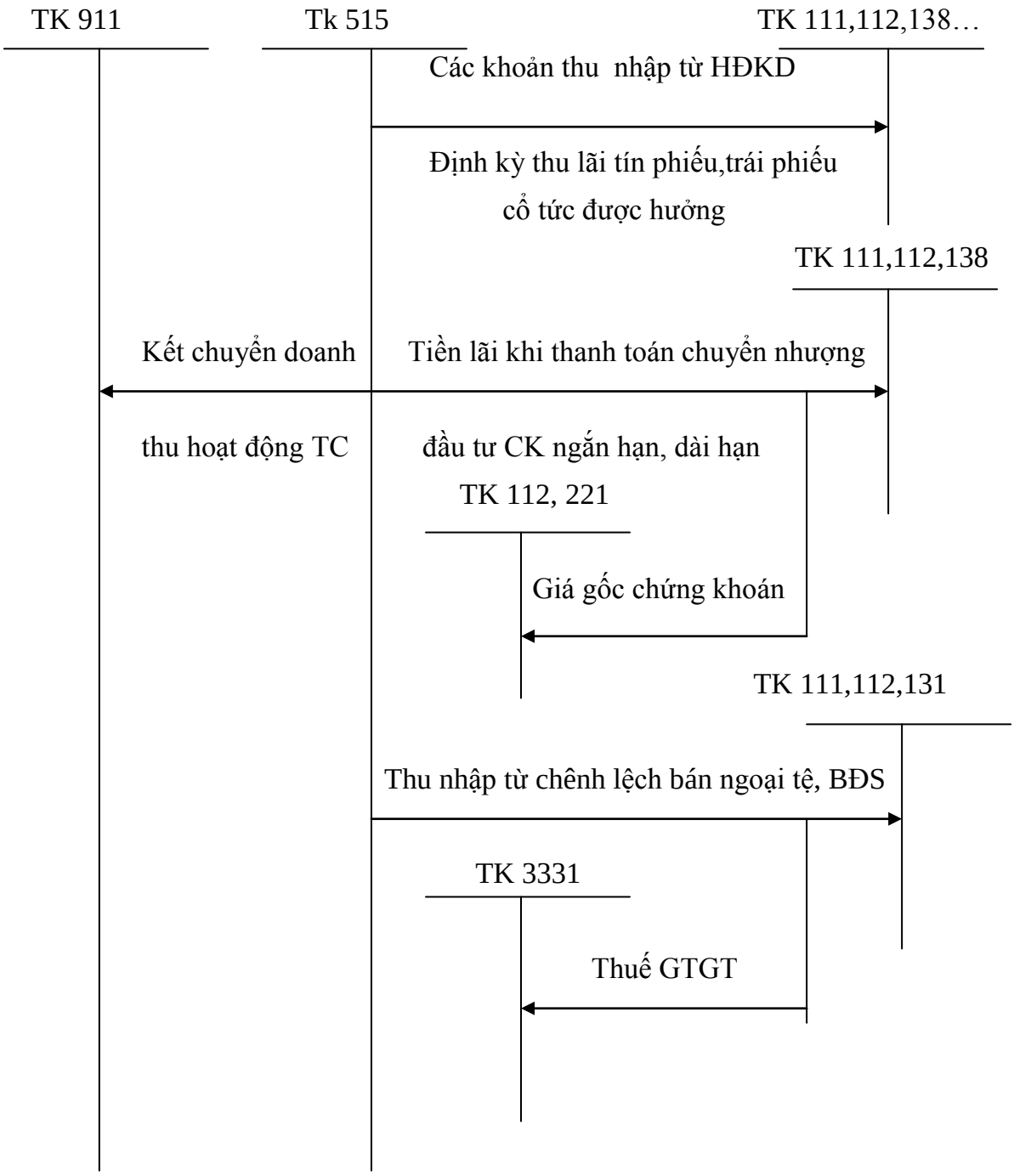

1.2.1.4. Xác định thu nhập khác

➢ TK sử dụng

TK 711 – Thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm :

- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu được tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại…

➢ Kết cấu của TK 711:

- Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản nhập khác ở doanh nghiệp nộp tiền GTGT tính theo phương pháp trực tiếp
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 - " Xác định kết quả kinh doanh ".

- Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

TK 711 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.8: Kế toán thu nhập khác

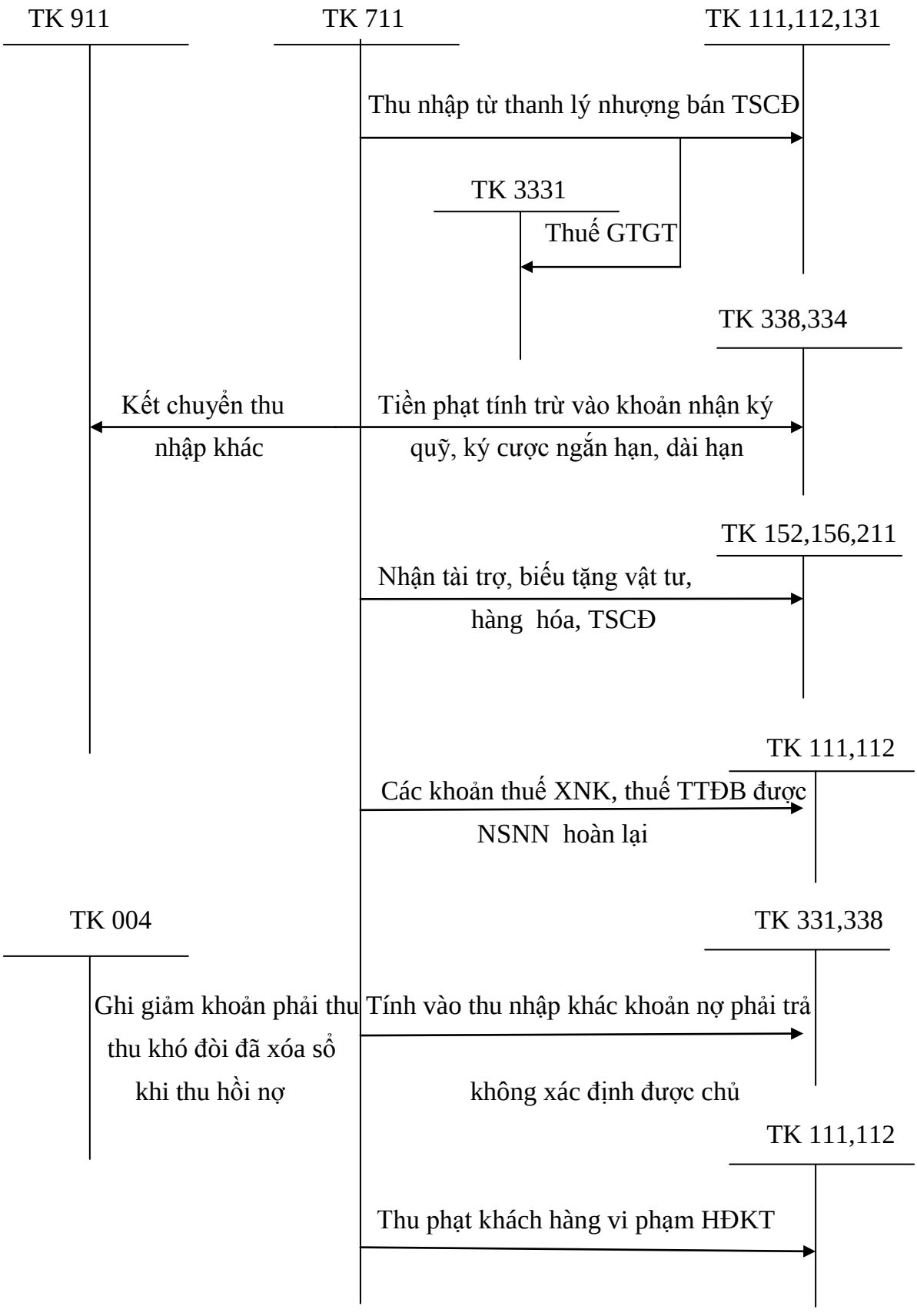

1.2.2. Kế toán chi phí.

Chi phí hàng bán ra và dịch vụ đã cung cấp bao gồm : Giá vốn hàng bán , Chi phí bán hàng , Chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.2.1. Giá vốn hàng bán

Dùng để phản ánh trị giá hàng vốn của thành phẩm, hàng hóa dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của số phẩm xây lắp bán ra trong kỳ .

Ngoài ra TK này còn dùng để phản ánh còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư : chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí cho thuê nghiệp vụ bất động sản đầu tư, chi phí nhượng bán…

Kết cấu TK 632:

- Bên nợ:

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh:
  - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ.
  - Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu, chi phí nhân công trên mức bình thường và chi phí sản xuất cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
  - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi đã trừ đi phần bồi thường trách nhiệm cá nhân gây ra.
  - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
  - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư phản ánh
  - Số khấu hao bất động sản đầu tư trích lập trong kỳ.
  - Chi phí sửa chữa nâng cấp, cải tạo bất động sản đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá bất động sản đầu tư.
  - Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư trong kỳ.
  - Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư bán, thanh lý trong kỳ.
  - Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ.

➢ Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 - " Xác định kết quả kinh doanh ".
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.2. Chi phí bán hàng

➢ TK sử dụng

TK 641 : Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng được sử dụng để phản ánh chi phí phát sinh trong kỳ tiêu thụ thành phẩm hàng hóa lao vụ như chi phí bao gói, phân loại, chọn lọc, bốc dỡ, giới thiệu, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, hoa hồng trả cho đại lý bán hàng .

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí công cụ đồ dùng, chi phí bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí bằng tiền khác…

➢ *Kết cấu của TK 641:*

- Bên nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh " để tính kết quả kinh doanh cuối kỳ.

Tk 641 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

➢ TK sử dụng :TK 642

Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi phí cần thiết khác phát sinh trong quá trình quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và các chi phí chung khác liên quan đến toàn bộ doanh nghiệp .

Chi phí này là loại chi phí thời kỳ nên tương đối ổn định trong các kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Chi phí QLDN được bù đắp bởi các khoản thu nhập từ hoạt động kinh doanh hàng hóa, hoạt động tài chính thuộc kỳ xác định kết quả.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác…

Kết cấu của TK 642:

- Bên nợ:
- Các chi phí QLDN phát sinh thực tế trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.
- Bên có:
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí QLDN vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

TK 642 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.9: Hạch toán tài khoản 641, 642

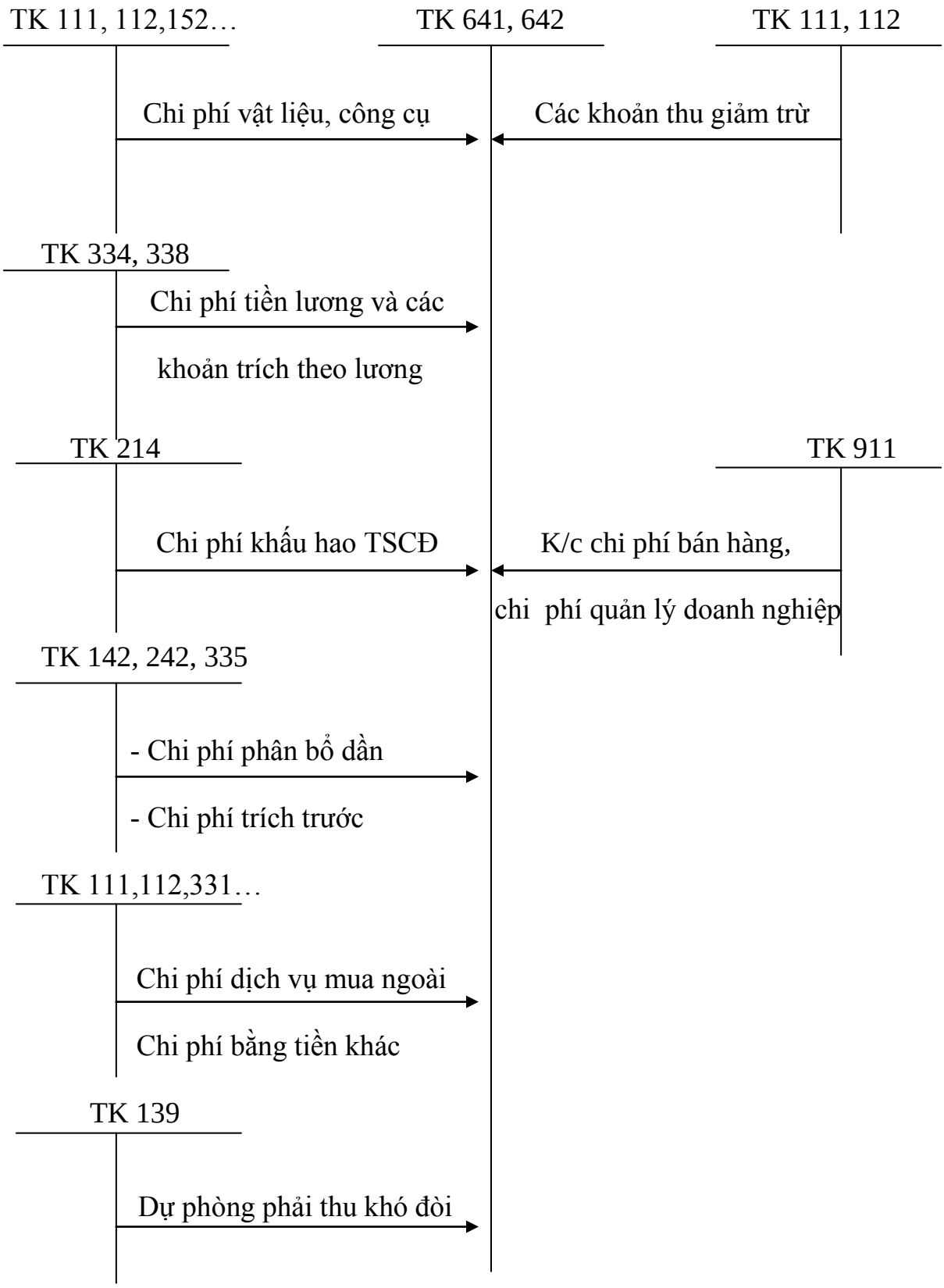

1.2.2.4. Chi phí hoạt động tài chính

- TK sử dụng : TK 635

Chí phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, chi phí lãi vay vốn kinh doanh, khoản chiết khấu thanh toán, chi phí hoạt động liên doanh, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh, chi phí cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, các khoản lỗ do thanh lý nhượng bán các khoản đầu tư…

- *Kết cấu TK 635*

- Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán…

- Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí hoạt động tài chính

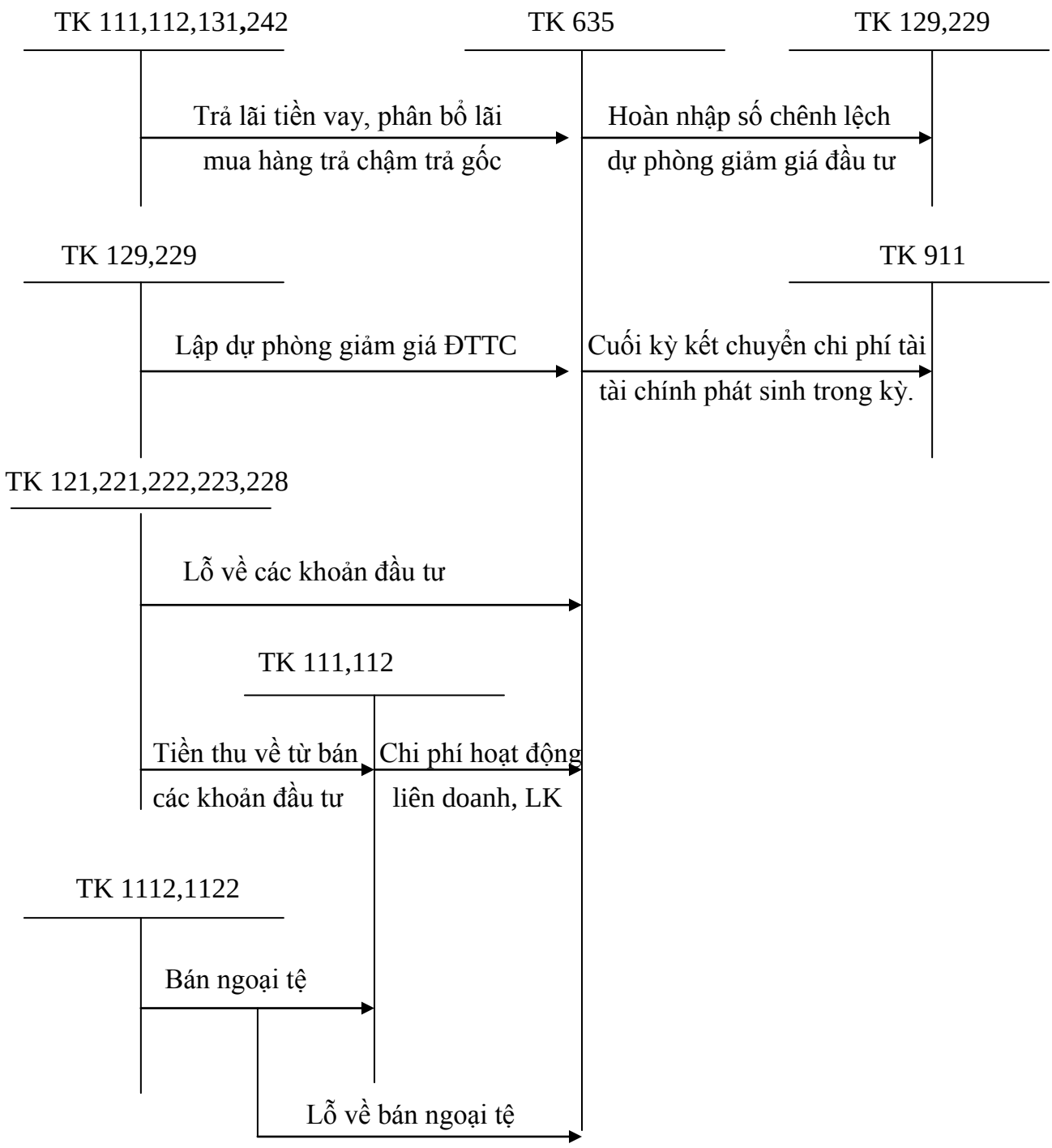

1.2.2.5. Chi phí hoạt động khác.

- TK sử dụng :TK 811

Chi phí khác là khoản chi phí xảy ra không thường xuyên riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Những khoản chi phí khác có thể do nguyên

nhân khách quan hoặc chủ quan đưa tới bao gồm: Giá trị còn lại của TSCĐ được thanh lý nhượng bán, chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn ,tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, các khoản chi phí khác…

➢ Kết cấu TK 811:

- Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.
- Bên có: Cuối kỳ kết chuyển các khoản chi phí phát sinh trong kỳ vào TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh ".

TK 811 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác.

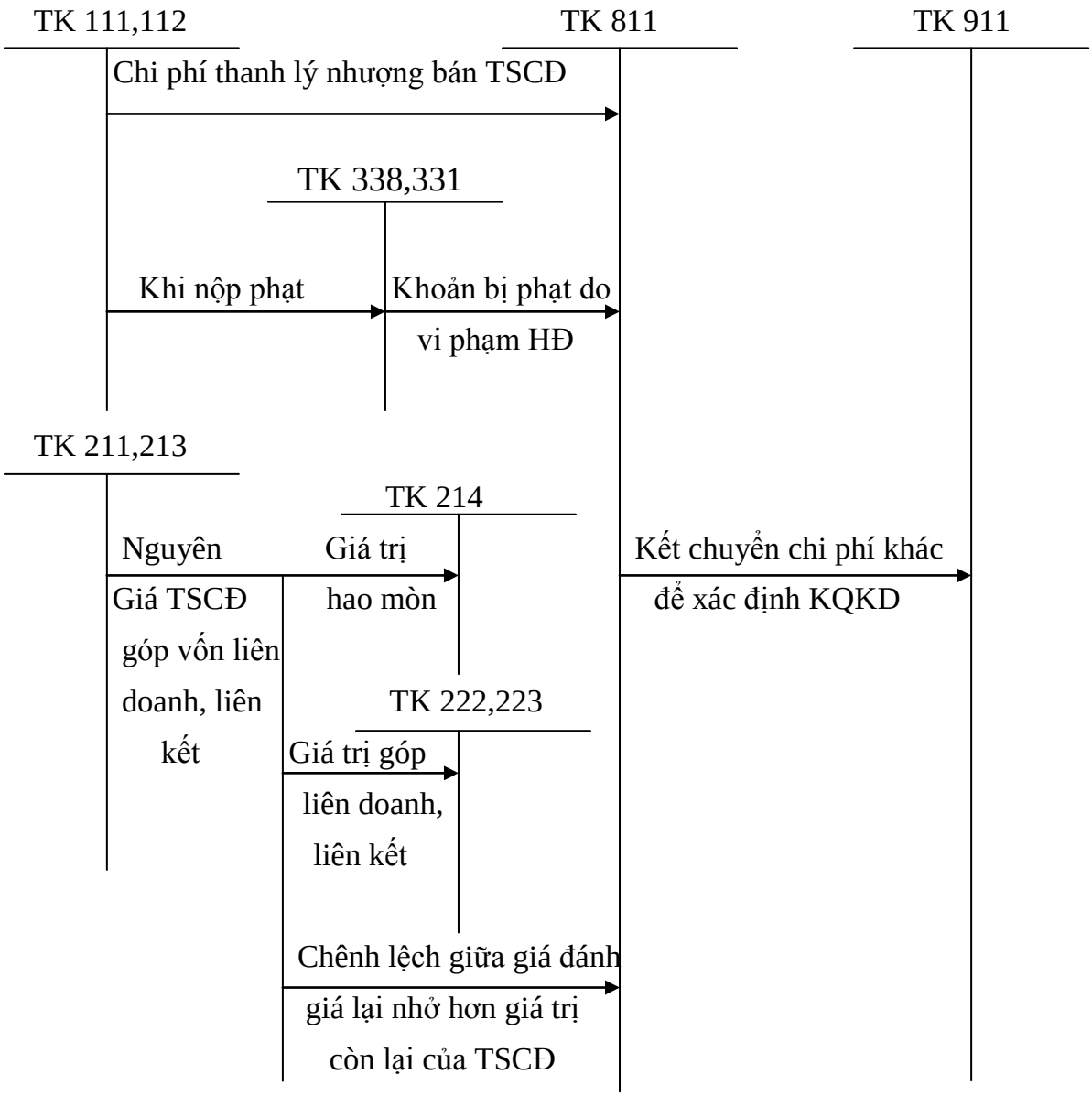

1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

➢ TK sử dụng :

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

TK này dùng để sử dụng để xác định và phản ánh kết quả cuối cùng của các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Kết quả kinh doanh được thể hiện qua các chỉ tiêu lãi hoặc lỗ, đây là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp nhất quan trọng để đánh giá kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Hoạt động trong doanh nghiệp bao gồm: hoạt động kinh doanh và hoạt động khác (trong đó hoạt động kinh doanh bao gồm: hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính), tương ứng với hai hoạt động trên là lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

➢ Kết cấu nội dung phản ánh TK 911.

✓ Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ
- Chi phí bán hàng và chi phí QLDN.
- Chi phí hoạt động tài chính.
- Chi phí hoạt động khác.
- Lãi trước thuế và hoạt động trong kỳ.

✓ Bên có:

- Doanh thu hoạt động tài chính.
- Thu nhập hoạt động khác
- Lỗ các hoạt động trong kỳ.

TK 911 không có số dư đầu kỳ

Sơ đồ 1.12 : Hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

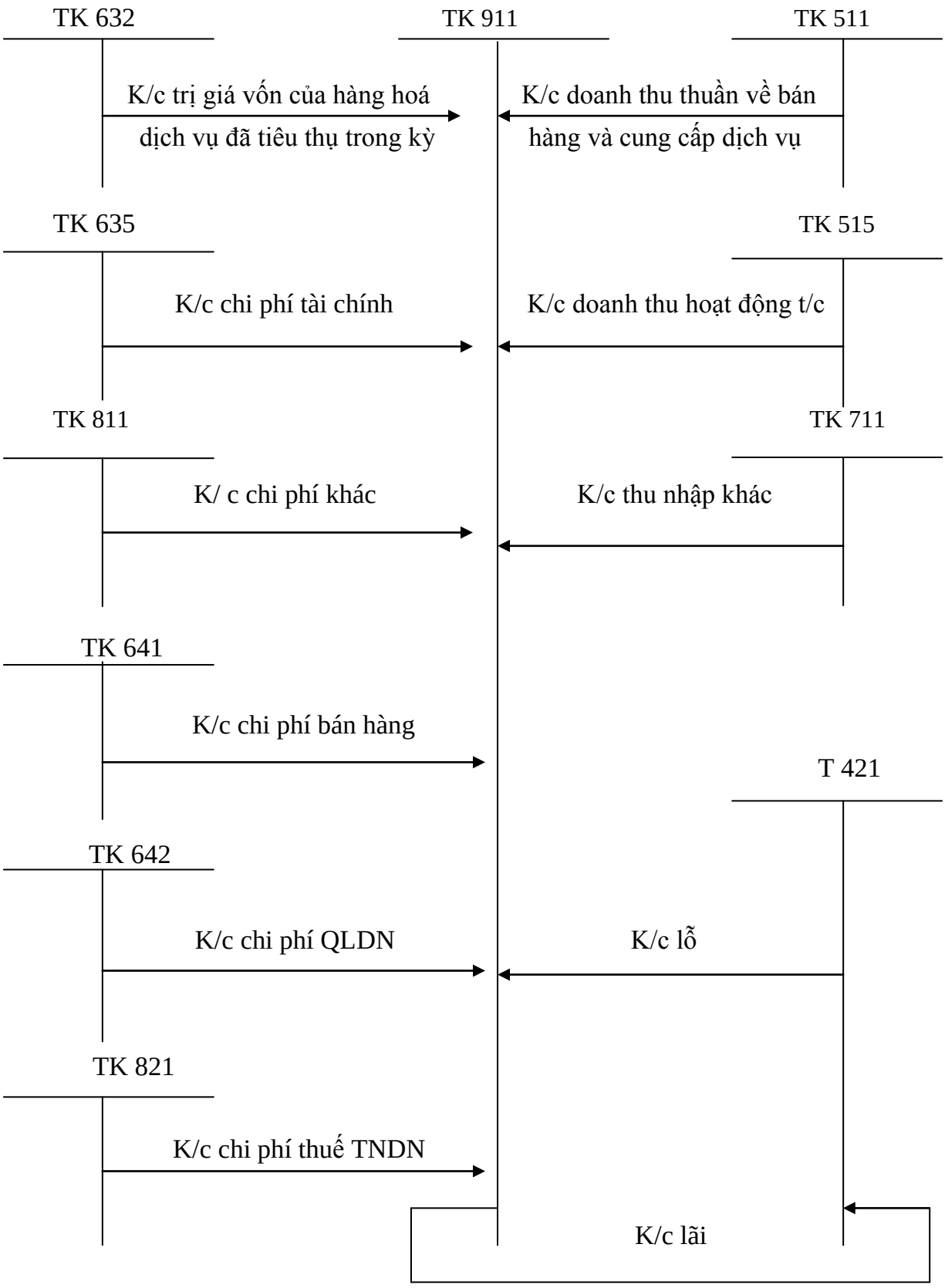

1.3. Hệ thống sổ sách sử dụng trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện kỹ thuật trang thiết bị trong đơn vị mình để lựa chọn hình thức sổ kế toán cho phù hợp.

Có 4 hình thức sổ kế toán:

- Hình thức sổ kế toán nhật ký chung.
- Hình thức sổ kê toán nhật ký - sổ cái
- Hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức sổ kế toán nhật ký chứng từ.

Trong khuôn khổ bài viết này em xin trình bày hình thức sổ kế toán nhật ký chứng từ cũng là hình thức công ty áp dụng để dễ đối chiếu và so sánh.

1.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký - chứng từ.

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các TK đối ứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán nhật ký - chứng từ gồm có các loại sổ sách sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

1.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký - chứng từ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các nhật ký chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết liên quan.

Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các nhật ký - chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các nhật ký chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các nhật ký - chứng từ ghi trực tiếp vào sổ cái.

Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong nhật ký - chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết dùng để lập báo cáo tài chính.

- **Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký - chứng từ.**

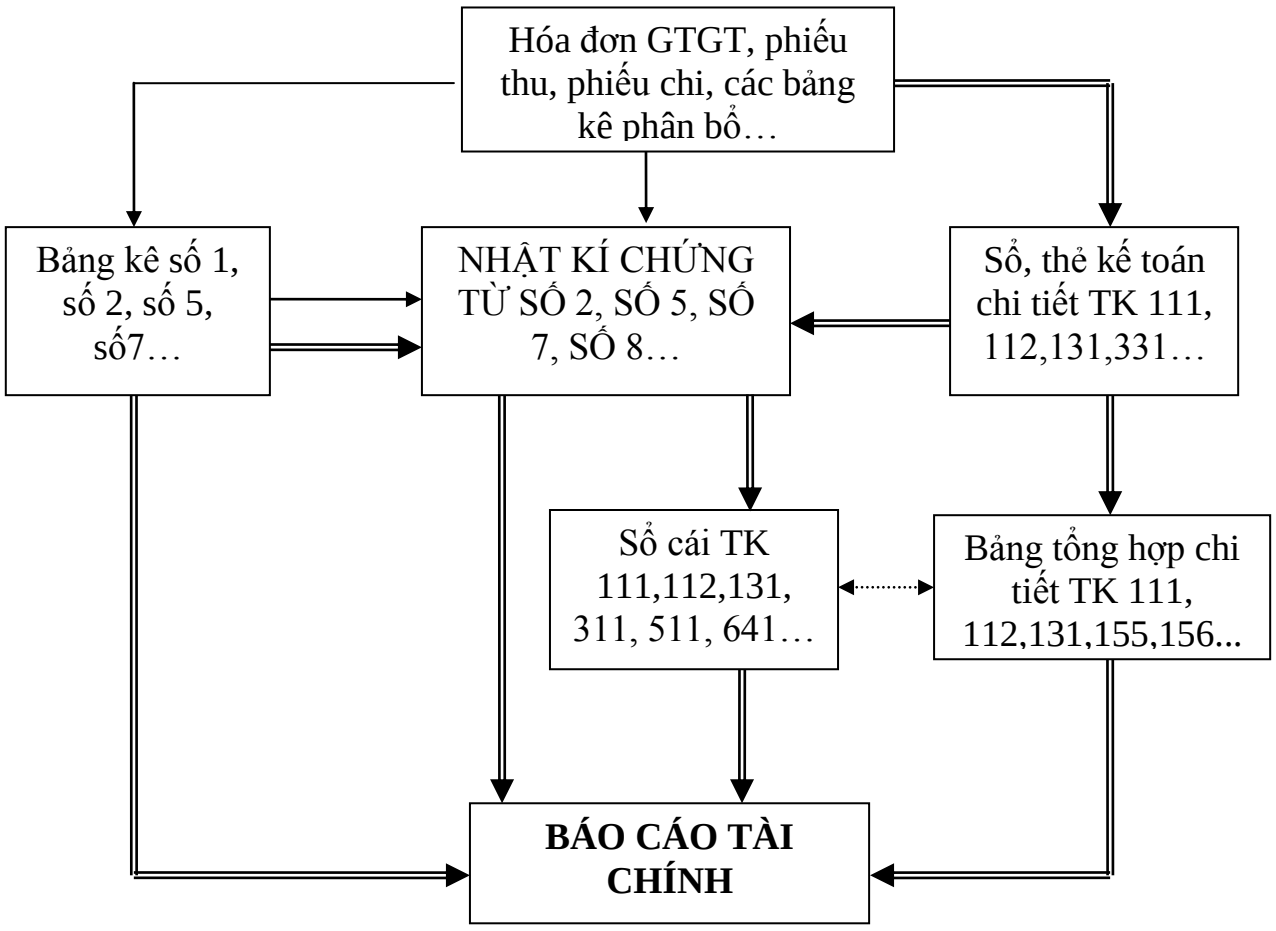

Ghi chú : Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp xây lắp

Tổ chức công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp xây lắp phải tuân thủ các quy quy định chung của luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành. Kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp xây lắp phải đảm bảo các yêu cầu kế toán cơ bản, thực hiện tính toán, ghi chép trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời chi phi sản xuất, giá thành sản phẩm, doanh thu bán hàng, xác định chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp phù hợp với đặc điểm của ngành xây lắp đồng thời phù hợp với tinh thần chuẩn mực kế toán số 15 " Hợp đồng xây dựng ".

Đặc điểm của ngành xây lắp ảnh hưởng đến việc tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp xây lắp thể hiện rõ ở các nội dung cụ thể như sau:

- Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là các công trình hạng mục công trình xây lắp, các giai đoạn quy ước của hạng mục công trình có giá trị dự toán riêng hay nhóm công trình, các đơn vị thi công (xí nghiệp đội thi công xây lắp)
- Đối tượng tính giá thành có thể là công trình, hạng mục công trình xây lắp, các giai đoạn quy ước của hạng mục công trình có giá trị dự toán riêng hoàn thành.
- Phương pháp tập hợp chi phí: Tuỳ theo điều kiện cụ thể, có thể vận dụng phương pháp tập hợp trực tiếp hoặc phương pháp phân bổ gián tiếp.
- Phương pháp tính giá thành thường áp dụng: Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng, phương pháp giản đơn (trực tiếp), phương pháp hệ số hoặc tỷ lệ và phương pháp tính giá thành theo định mức.
- Chi phí trong giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp bao gồm các chi phí được phân loại theo mục đích, công dụng: Đó là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung. Điều này xuất phát từ phương pháp lập dự toán trong xây dựng cơ

bản. Dự toán được lập theo từng công trình, hạng mục công trình… và lập theo từng khoản mục chi phí.

- Giá thành xây lắp phân biệt thành:

- Giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành là toàn bộ chi phí sản xuất để hoàn thành một khối lượng sản phẩm xây lắp theo quy định.

- Giá thành hạng mục công trình hoặc công trình hoàn thành toàn bộ là toàn bộ chi phí sản xuất để hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây lắp đạt giá trị sử dụng.

Trong sản phẩm xây lắp cần phân biệt các loại giá thành sau đây:

- Giá thành dự toán: Là tổng chi phí dự toán để hoàn thành sản phẩm xây lắp. Giá thành dự toán được xác định trên cơ sở các định mức và đơn giá chi phí do nhà nước quy định (đơn giá bình quân khu vực thống nhất). Giá thành này nhỏ hơn giá trị dự toán ở phần thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng đầu ra:

Giá trị dự toán công trình, hạng mục công trình	=	Giá trị dự toán công trình, hạng mục công trình	+	Thu nhập chịu thuế tính trước	+	Thuế GTGT đầu ra

- Giá thành kế hoạch: Là giá thành được xây dựng trên cơ sở những điều kiện cụ thể của doanh nghiệp về các định mức, đơn giá, biện pháp tổ chức thi công. Giá thành kế hoạch thường nhỏ hơn giá thành dự toán xây lắp ở mức hạ giá thành kế hoạch.
- Giá thành thực tế: Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các chi phí thực tế để hoàn thành phẩm xây lắp. Giá thành này được tính trên cơ sở số liệu kế toán về chi phí sản xuất đã tập hợp được cho sản phẩm xây lắp thực hiện trong kỳ. Giá thành công trình lắp đặt thiết bị không bao gồm giá trị thiết bị đưa vào lắp đặt, bởi thiết bị này thường do đơn vị chủ đầu tư bàn giao cho doanh nghiệp nhận thầu xây lắp.

Chương II:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG.

2.1. Một số nét khái quát về công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.

Tên công ty : Công ty cổ phần xây dựng và phát triển Hải Phòng

Tên đối ngoại : Haiphong contruction and development Investment Joint Company

Tên gọi tắt : CDI

Địa chỉ : Số 5 đường Lạch Tray - quận Ngô Quyền - thành phố Hải Phòng

Mã số thuế : 0200155399

Mã số tài khoản : 321.10.00.000294, tại ngân hàng đầu tư và phát triển HP.

Điện thoại : 031_3847034

Fax : 031_3846963

E-mail : CDI-5lachtray@hn.vnn.vn

Công ty cổ phần xây dựng xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng được thành lập từ năm 1992, được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước căn cứ theo quyết định số 408/QĐ-UB ngày 10/03/2005 của UBND thành phố Hải Phòng và hoạt động theo đăng ký kinh doanh số 0203001346 do sở Kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp ngày 01/04/2005.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng là doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, trực thuộc thành phố Hải Phòng kinh doanh các lĩnh vực:

- Nhận thầu xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp, giao thông thủy lợi nhà ở và công trình kĩ thuật hạ tầng
- Tư vấn thiết kế công trình và nhà ở
- Kinh doanh bất động sản
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản

- Kinh doanh dịch vụ thương mại và xuất nhập khẩu
- Sản xuất kinh doanh và lắp đặt đồ nội thất công trình

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý.

Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân thuộc UBND thành phố Hải Phòng công ty cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng được tổ chức theo kiểu trực tuyến chức năng.

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức sản xuất và quản lý của công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng

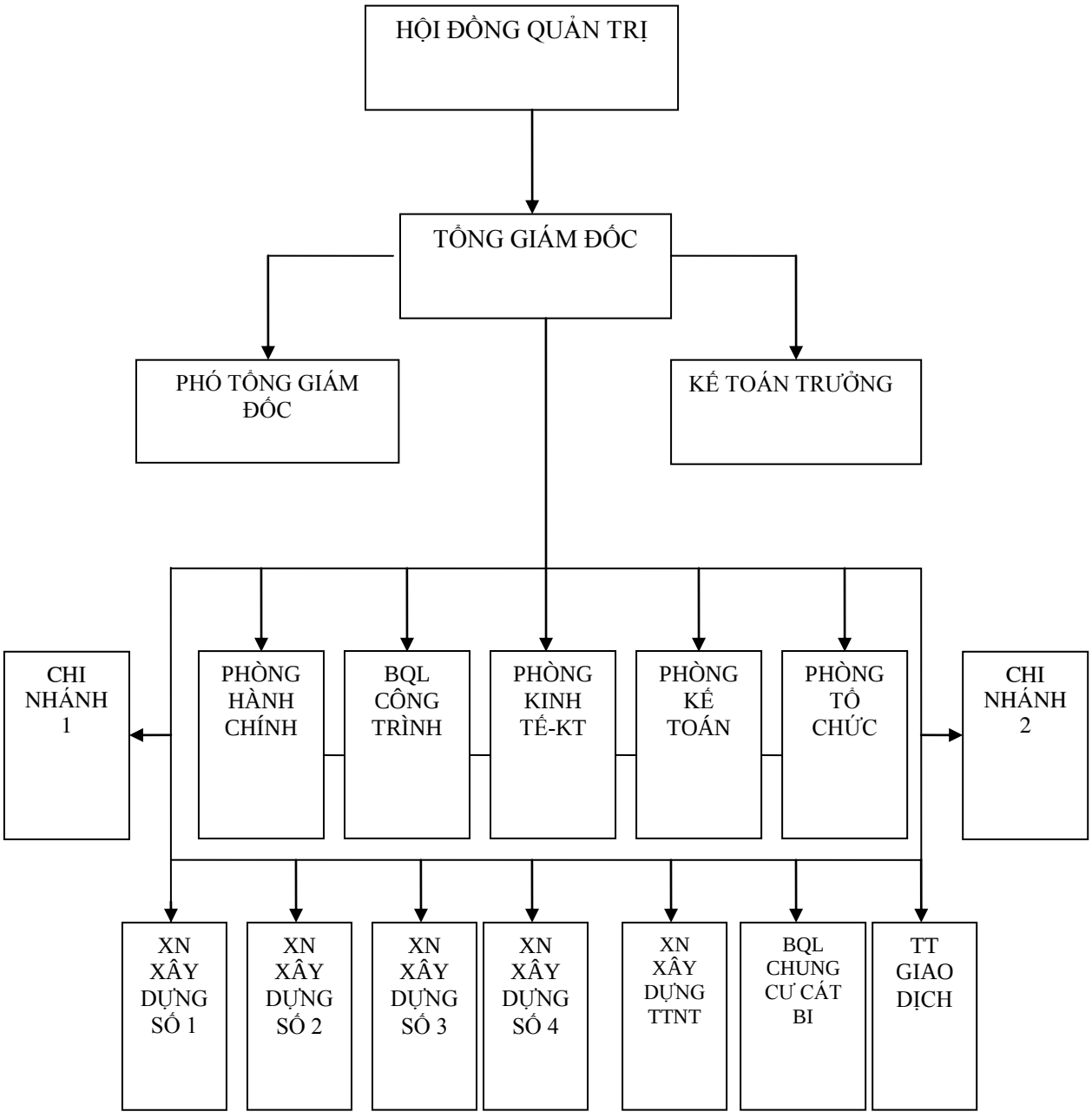

Hội đồng quản trị : Là cơ quan quản lý công ty, toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty.

ض Tổng giám đốc : Chịu trách nhiệm quản lý chung toàn công ty, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị.

ض Phó tổng giám đốc : là người giúp việc cho tổng giám đốc.

Các phòng ban có chức năng nhiệm vụ khác nhau nhưng có mối quan hệ mật thiết,hỗ trợ nhau phục vụ cho mục tiêu chung của công ty.Công ty có các phòng ban sau :

- Phòng hành chính : Trực tiếp quản lý sử dụng nhà cửa, trang thiết bị phương tiện ôtô. Mua sắm trang thiết bị văn phòng, phụ trách công tác lễ tân, tạp vụ, văn thư và lái xe, quản lý con dấu.
- Ban quản lý công trình : Tổ chức quản lý dự án của công ty trong quá trình đầu tư, xây dựng. Trực tiếp giải quyết các thủ tục có liên quan đến công tác quản lý và giám sát thi công. Tham gia thẩm định kinh tế - kỹ thuật, thanh quyết toán công trình.
- Phòng kinh tế - kỹ thuật : Lập kế hoạch SXKD hàng năm, theo dõi thực hiện và báo cáo kết quả theo định kỳ. Nghiên cứu và khai thác thị trường. Trực tiếp giải quyết các thủ tục đầu tư, XDCB, mua bán nhà đất. Xây dựng giá thành tiêu thụ với sản phẩm nhà đất của công ty. Quản lý và lưu trữ hồ sơ dự án, hồ sơ kỹ thuật công trình, hồ sơ giao nhận công trình…
- Phòng kế toán :

- Thực hiện công tác nghiệp vụ hạch toán kế toán tài chính của công ty. Trực tiếp quản lý két, quỹ tiền mặt của công ty
- Lập kế hoạch tài chính hàng năm, theo dõi thực hiện và báo cáo kết quả theo định kỳ
- Phối hợp cùng các đơn vị thành viên của công ty giải quyết các thủ tục đấu thầu, hợp đồng giao nhận…
- Quản lý và lưu trữ hố sơ kế toán, chứng từ sổ sách và các tài liệu liên quan. Thực hiện công tác quản lý tài sản công ty, theo dõi, giám sát sử dụng.

- Phòng tổ chức : Thực hiện công tác nghiệp vụ quản lý nhân sự, quản lý lao động.Tổ chức tuyển dụng cán bộ, lao động theo yêu cầu nhiệm SXKD.Cùng phối hợp với kế toán để thực hiện công tác lao động tiền lương,phụ trách công tác BHXH, công tác thi đua khen thưởng của công ty.

Chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc

ض Ban quản lý chung cư Cát Bi: là đơn vị trực thuộc công ty, chịu sự chỉ đạo và quản lý của Tổng giám đốc công ty có nhiệm vụ quản lý sử dụng, đảm bảo an toàn và sử dụng có hiệu quả tài sản của công ty tại khu trung cư Cát Bi…

ض Trung tâm giao dịch bất động sản là đơn vị trực thuộc công ty, chịu sự chỉ đạo và quản ký của Tổng giám đốc có chức năng: Tổ chức dịch vụ mua bán nhà đất. Tư vấn pháp lý, thủ tục, giá cả về các giao dịch Bất động sản…

ض Các xí nghiệp xây dựng : Tổ chức tuyển trọn lao động, trực tiếp ký kết hợp đồng lao động dưới một năm và sử dụng lao động theo quy chế. Tổ chức khai thác công trình nhận thầu, tổ chức lực lượng, phương tiện, thiết bị thi công công trình…

ض Các chi nhánh của công ty là đơn vị phụ thuộc công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Tổng giám đốc thực hiện chức năng đại diện cho công ty tại các địa phương. Mỗi chi nhánh là một đơn vị kinh tế độc lập có tư cách pháp nhân đầy đủ hạch toán tài chính phụ thuộc công ty…

ض Công ty con là đơn vị thành viên của công ty hoạt động kinh tế độc lập, có pháp nhân đầy đủ và hạch toán kinh tế độc lập. Công ty con đươc giao vốn, hỗ trợ đầu tư và khai thác thị trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tư cách pháp nhân…

2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán công ty.

2.1.4.1. Bộ máy kế toán.

Để đảm bảo bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng vẫn hoạt động có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời chính xác, đồng thời để phù hợp với đặ điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh, công ty đã lựa chọn hình thức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng.

Sơ đồ 2.2 : Bộ máy kế toán của công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng

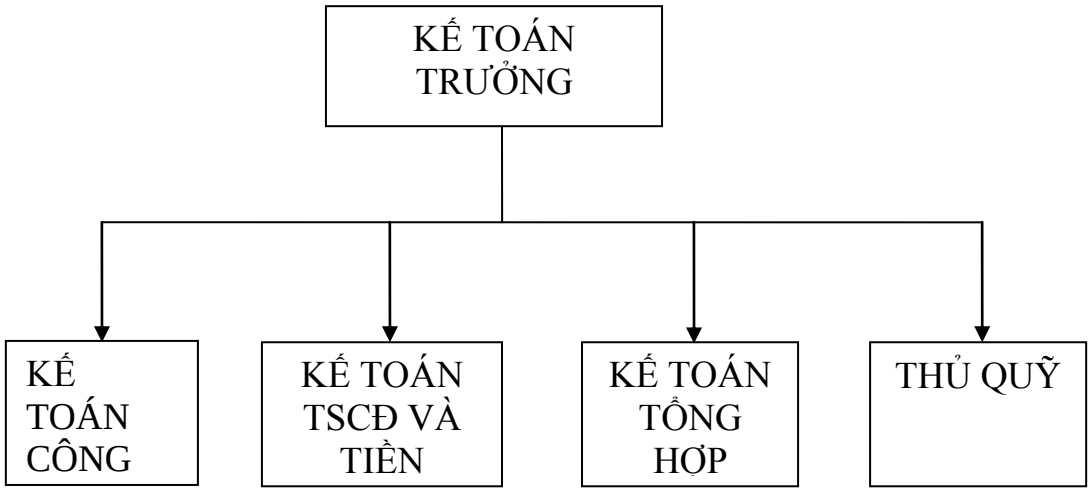

Bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ, hợp lý, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời chính xác Phòng kế toán có 5 thành viên, mỗi thành viên cố một chức năng riêng :

- Kế toán trưởng : Là người phụ trách công tác kế toán cho toàn công ty, tham mưu cho giám đốc đề xuất các biện pháp tài chính hiệu quả.
- Kế toán công nợ : Theo dõi các khoản nợ phải thu, phải trả và tình hình thanh toán khoản phải thu của người nhận thầu với người giao thầu về khối lượng xây dựng đã hoàn thành, thanh toán khoản nợ cho người nhận thầu xây lắp.
- Kế toán tiền lương và TSCĐ : Phụ trách công việc tính lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty, trích các khoản trích theo lương theo quy định đối với từng cán bộ công nhân viên. Theo dõi TSCĐ của công ty, trích khấu hao và xác định giá trị còn lại của từng tài sản.
- Kế toán tổng hợp : Bao quát tất cả các số liệu về giá thành, tiền mặt, NVL, doanh thu... để có thể cung cấp các số liệu cho kế toán trưởng.
- Thủ quỹ : Có nhiệm vụ thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ (như thu, chi, giấy đề nghị thanh toán, tạm ứng) và lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.4.2. Hệ thống sổ sách kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

Xuất phát từ đặc điểm và yêu cầu thực tế, công ty đã sử dụng kế toán theo hình thức nhật ký - chứng từ, thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty được sử dụng theo các chuẩn mực mới ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

- Hình thức sổ sách kế toán áp dụng : Nhật kí - chứng từ
- Đơn vị tiền tệ sử dụng : Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Niên độ kế toán : bắt đầu từ ngày 01/01 của năm và kết thúc vào ngày 31/12 được chia thành 4 kì hạch toán.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kê toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư HP.

2.2.1. Phương pháp kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.

2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

Các chứng từ kế toán thường sử dụng là hợp đồng kinh tế, hóa đơn GTGT, lệnh chuyển có, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có, bảng thanh toán lương, bảng trích khấu hao, bảng phân bổ TK 242…

Hóa đơn GTGT được lập làm 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại phòng kế toán
- Liên 2: Giao cho khách hàng làm chứng từ đi đường và ghi sổ kế toán.
- Liên 3: Lưu nội bộ.

2.2.1.2. Sổ sách sử dụng

- Nhật ký chứng từ số 10
- Sổ cái các tài khoản liên quan.

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp nội bộ.
- TK 512: Doanh thu bán hàng nội bộ.
- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
- Tk 632: Giá vốn hàng bán.

- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.
- TK 641: Chi phí bán hàng.
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- TK 711: Thu nhập khác.
- TK 811: Chi phí khác,
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

2.2.1.4. Quy trình hạch toán.

A. Kế toán doanh thu, thu nhập tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.

Sơ đồ 2.3 : Quy trình hạch toán doanh thu tại công ty cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.

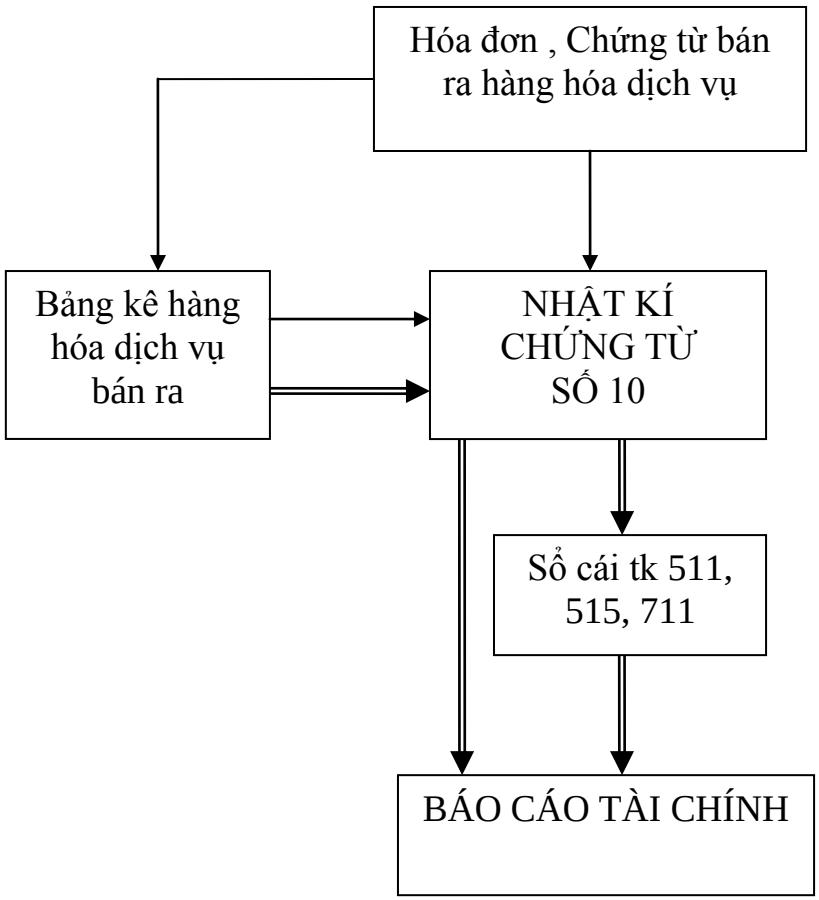

Ghi chú : Ghi hàng ngày ⟶

Ghi cuối tháng ⟹

a. Kế toán doanh thu

Tại các xí nghiệp trực thuộc hạch toán doanh thu theo công trình, còn công ty hạch toán doanh thu theo định kỳ cuối quý, cuối năm trên cơ sở những công trình đã thực hiện trong năm.

Đối với xí nghiệp thì kết quả kinh doanh được xác định sau mỗi công trình hoàn thành bàn giao. Cụ thể xí nghiệp thi công xong một công trình phải nộp lại cho công ty 14% trên tổng doanh thu của công trình đó.

Số tiền này bao gồm 10% dùng để nộp thuế cho nhà nước, còn lại 4% là khoản bù đắp chi phí QLDN của công ty. Hoạt động của doanh nghiệp dù lãi hay lỗ xí nghiệp vẫn phải nộp 14% doanh thu của mỗi công trình đã thi công, hoàn thành và bàn giao cho công ty. Công ty quy định số lãi của xí nghiệp không được quá 2% tổng giá quyết toán của công trình nếu quá xí nghiệp phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2%. Nếu xí nghiệp bị lỗ thì phải tự bù đắp chi phí.

Đối với công ty thì kết quả kinh doanh được xác định theo kỳ là một năm tài chính, tức là sau khi xác định được số tiền 4% của tất cả các công trình mà các xí nghiệp của công ty đã hoàn thành và bàn giao trong năm. Công ty trừ đi chi phí QLDN để tính ra lợi nhuận trước thuế.

Trong năm 2008 công ty đã thi công rất nhiều công trình, để hiểu rõ hơn về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trong bài viết này em xin lấy một ví dụ cụ thể: Ngày 31/12/2008 công ty Cổ phần thép Châu Phong thanh toán khối lượng thanh toán khối lượng hợp đồng cho công ty Cổ phần xây dựng và phát triển và đầu tư Hải Phòng.

Công trình Công ty cổ phần thép Châu Phong – Animex được ký hợp đồng giữa công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng với Công ty cổ phần thép Châu Phong.

Sau khi hợp đồng khoán gọn công trình, xí nghiệp xây dựng số 4 phải đảm bảo thi công công trình theo đúng bản thiết kế và đảm bảo chất lượng công trình. Khi công trình được hoàn thành thì đại diện của xí nghiệp, đại diện của công ty và đại diện của bên đầu tư cùng xác định khối lượng xây lắp, đánh giá chất lượng công

trình theo đúng nội dung đã ký kết trong hợp đồng. Nếu không có gì vướng mắc thì công ty tiến hành bàn giao công trình cho chủ đầu tư.

Quá trình hạch toán doanh thu công trình " Công ty cổ phần thép Châu Phong - Animex"

Sau khi xí nghiếp số 4 hoàn thành công trình " Công ty Cổ phần thép Châu Phong – Animex " với số tiền là 2.778.135.455 đ (chưa thuế GTGT 10%).

Tổng số tiền mà công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng thu được là:

2.778.135.455 x (1 +10%) = 3,055,949,000 đ

Công ty giữ lại:

14% x 2.778.135.455 = 388.938.964 đ

Trong đó 10% là thuế phải nộp nhà nước, 4% bao gồm chi phí quản lý doanh ngiệp và lợi nhuận trước thuế của công ty.

Do vậy công ty sẽ trả lại xí nghiệp là:

3,055,949,000 – 388.938.964 = 2.667.010.036 đ

Biểu số 2.1:

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

Giá trị gia tăng **NB/2008B**

Liên 2 : giao khách hàng 0046175

Ngày 31 th áng 12 n ăm 2008

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng.

Số tài khoản:

Điện thoại: MST: 0200155339

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần thép Châu Phong

Địa chỉ: Số 19 - Võ Thị Sáu - Ngô Quyền - Hải Phòng.

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản MS:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	1x2
1	Thanh toán khối lượng xây lắp công trình : Công ty Cổ phần thép Châu Phong – Animex				2.778.135.455
Cộng tiền hàng:					2.778.135.455
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		278.813.545
Tổng cộng tiền thanh toán					3,055,949,000

Người mua hàng *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Người bán hàng *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Thủ trưởng đơn vị *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu số 2.2

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi có TK 511 : Doanh thu bán hàng

Từ ngày 01/12/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày	TK nợ 131	TK nợ 1311	TK nợ 338	TK nợ 3387	Cộng ps nợ	TK có 911	Cộng ps có
31/12	17,662,255,017	17,662,255,017	17,420,290,907	17,420,290,907	35,082,545,924	35,082,545,924	35,082,545,924
Cộng	**17,662,255,017**	**17,662,255,017**	**17,420,290,907**	**17,420,290,907**	**35,082,545,924**	**35,082,545,924**	**35,082,545,924**

Hải Phòng , ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

Biểu số 2.3

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

TK 511 - Xác định kết quả kinh doanh

Số dư nợ đầu năm	
Nợ	Có

TK có	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	……	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
911			107,147,010,002						35,082,545,924	60,152,072,111
PS nợ			107,147,010,002						35,082,545,924	60,152,072,111
PS có			107,147,010,002						35,082,545,924	60,152,072,111
Dư nợ										
Dư có										

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

b. Các khoản giảm trừ doanh thu (Giảm giá công trình, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.).

Khi các công trình mà công ty đã nhận thi công không được hoàn thành và bàn giao đúng thời hạn, chất lượng và kỹ thuật đã được quy định trong hợp đồng xây dựng cho bên chủ đầu tư thì bên chủ đầu tư có quyền yêu cầu công ty giảm giá công trình xây lắp đó, nếu công ty thấy hợp lý sẽ tiến hành giảm giá công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư.Trong năm 2008, tất cả các công trình do công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng thi công đều được hoàn thành bàn giao đúng thời hạn, chất lượng và kỹ thuật đã được quy định trong hợp đồng nên không phát sinh các nghiệp vụ giảm giá công trình xây lắp.

c. Kê toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng là các khoản tiền lãi gửi từ ngân hàng, vì đây là đơn vị xây dựng cơ bản, giao dịch chủ yếu là thông qua ngân hàng.

Ngày 12/12/2008 ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam trả lãi cho doanh nghiệp trên tài khoản với số tiền 83.416.667 đ và gửi giấy báo CÓ cho doanh nghiệp. Kế toán dựa vào chứng từ gốc biểu số 04 tiến hành ghi sổ kê toán vào biểu số 05.

Biểu số 2.4

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Mã GDV: BATCH

Mã KH: 10389

GIẤY BÁO CÓ Số GD: 35

Ngày 12/12/2008

Kính gửi : Công ty cổ phần xây dựng và phát triển Hải Phòng

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung sau :

Số tài khoản ghi nợ : 321.10.00.000294

Số tiền bằng số : 83.416.667

Số tiền bằng chữ : Tám mươi ba triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng chẵn.

Nội dung : Lãi nhập gốc.

GIAO DỊCH VIÊN KIỂM SOÁT

Biểu số 2.5

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi có TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/12/2008 đến ngày 31/12/2008

Số dư đầu tháng 126,845,407

Ngày	TK nợ 111	TK nợ 1121	….	TK nợ 1388	Cộng ps nợ	TK có 911	Cộng ps có
06/12	45,614,389		….				45,614,389
12/12	7,928,864	**83,416,667**	….				91,345,531
13/12	133,097,293		….				133,097,293
25/12	45,360,000		….				45,360,000
31/12	2,772,000	18,489,995	….	45,864,073	509,388,688	509,388,688	67,126,068
Cộng	**234,772,546**	**101,906,662**	**….**	**45,864,073**	**509,388,688**	**509,388,688**	**67,126,068**

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

Biểu sô 2.6

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Số dư nợ đầu năm	
Nợ	Có

Tk có	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	……	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
911			175,210,225						509,388,688	803,245,112
PS nợ			175,210,225						509,388,688	803,245,112
PS có	88,295,545	85,968,106	946,574	174,178	36,575,469		78,553,629	48,291,778	382,543,281	803,245,112
Dư nợ										
Dư có	88,295,545	174,263,651		174,178	36,749,647		78,553,629			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

d. Hạch toán thu nhập khác.

Biểu số 2.7:

Đơn vị: Cty CP XD & PT ĐT Hải Phòng — Mẫu số: 02-TSCĐ

Địa chỉ : Số 5 - Lạch Tray - Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 25 tháng 12 năm 2008

- Căn cứ theo quyết định số 205 ngày 22 tháng 12 năm 2008 của Tổng giám đốc cty Cổ phần XD & PT ĐT Hải Phòng về việc thanh lý tài sản cố định.

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông/bà: Nguyễn Đức Thành. Chức vụ: Tổng giám đốc cty Cổ phần XD & PT ĐT HP.
- Ông/bà: Hà Việt Sơn. Chức vụ: Giám đốc xí nghiệp số 4

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ

- Tên, ký mã hiệu, quy cách(cấp hạng) TSCĐ: Dàn máy âm thanh Kenword
- Số hiệu TSCĐ: TBDCQL38
- Nước sản xuất (xây dựng):
- Năm sản xuất:
- Năm đưa vào sử dụng: 1995
- Nguyên giá TSCĐ: 10.100.000 đồng
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 10.100.000 đồng
- Giá trị còn lại của TSCĐ:

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:

……

Ngày 25 tháng 12 năm 2008

Trưởng ban thanh lý

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ

- Chi phí thanh lý TSCĐ: 500.000 (Viết bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng chẵn)
- Giá trị thu hồi: 700.000 đồng (Viết bằng chữ: Bảy trăm nghìn đồng chẵn).
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 25 tháng 12 năm 2008

Hải Phòng ngày 25 tháng 12 năm 2008

Tổng giám đốc	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8:

Đơn vị : Cty CP XD & PT ĐT HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Địa chỉ: Số 5 - Lạch Tray - HP ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Quyển số :
Ngày 25 tháng 12 năm 2008 Số: 2210
Nợ: 111
Có: 711, 3331

Họ tên người nộp tiền : Nguyễn Minh Trang
Địa chỉ : Kế toán xí nghiệp số 4
Lý do thu: Tiền bán thanh lý TSCĐ
Số tiền : 700.000 (Viết bằng chữ: Bảy trăm nghìn đồng chẵn)
Kèm theo …. chứng từ kế toán

Ngày 25 tháng 12 năm 2008

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Ví dụ ngày 25/12/2008 công ty tiến hành thanh lý một tài sản cố định. Kế toán dựa vào chứng từ gốc biểu số 07 - Biên bản thanh lý TSCĐ, biểu số 08 - phiếu thu, để tiến hành ghi số kế toán vào biểu số 09.

Biểu số 2.9:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi có TK : 711 - Thu nhập khác

Từ ngày 01/12/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày	TK nợ 111	TK nợ 131	Cộng ps nợ	TK có 911	Cộng ps có
25/12	**700,000**		700,000		
31/12		2,061	2,061	702,061	702,061
Cộng	**700,000**	**2,061**	**702,061**	**702,061**	**702,061**

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Tổng giám đốc | Kế toán trưởng | Người lập biểu

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

Biểu số 2.10:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

TK 711 - Thu nhập khác

Số dư nợ đầu năm	
Nợ	Có

TK có	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	……	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
911			31,688,310			……			702,061	32,390,704
Ps nợ			31,688,310			……			702,061	32,390,371
ps có	31,409,143		279,167			……			702,601	32,390,911
Dư nợ						……				
Dư có	31,409,143					……				

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

B. Tổ chức kế toán chi phí tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.

- **Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi phí tại công ty cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.**

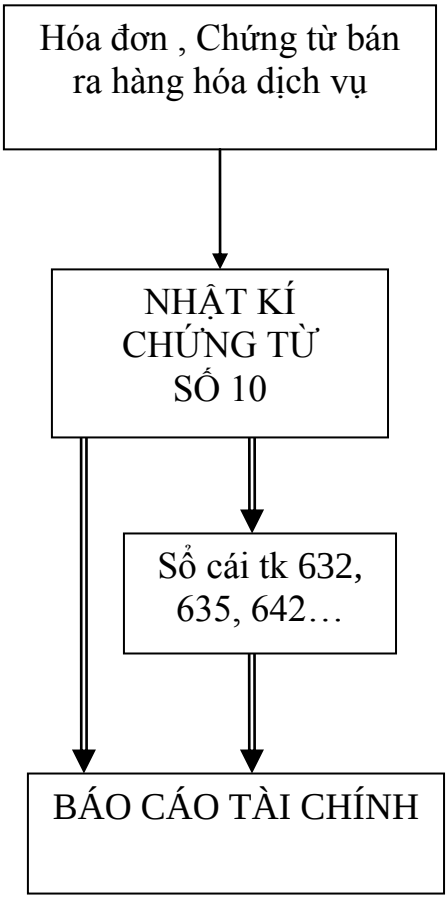

Ghi chú : Ghi hàng ngày ⟶

Ghi cuối tháng ⟹

a. Giá vốn hàng bán.

Công ty xác định đối tượng tính giá thành là các công trình, các giai đoạn công trình hoàn thành, hoặc các hạng mục công trình lớn chuyển tiếp nhiều năm hoàn thành.

Căn cứ vào đặc điểm của công ty: sản phẩm có giá trị lớn, quy trình công nghệ sản xuất phức tạp, thời gian thi công dài, đặc điểm các công trình phân bố rộng, đối tượng tính giá thành là các công trình, hạng mục công trình hoàn thành nên phương pháp tính giá thành sản phẩm mà công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng áp dụng là phương pháp tính giá thành trực tiếp theo từng đơn đặt hàng. Theo phương pháp này, tập hợp chi phí phát sinh trực tiếp cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành, bàn giao chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó.

Bàn giao công trình là một khâu quan trọng trong quy trình tái sản xuất doanh nghiệp. Bàn giao công trình giúp doanh nghiệp hoàn thành nhiệm vụ sản xuất đồng thời sẽ thu được tiền để bù đắp chi phí sản xuất đã bỏ ra và có lợi nhuận.

Ví dụ vào ngày 31/12/2008 khi công ty Cổ phần thép Châu Phong thanh toán khối lượng hợp đồng xây lắp cho doanh nghiệp theo hóa đơn biểu số 01, kế toán dựa trên bảng chi phí giá thành thực tế công trình biểu số 11 để tính giá vốn cho công trình.

Biểu số 2.11:

CÔNG TY CP XD VÀ PT ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

CHI PHÍ GIÁ THÀNH THỰC TẾ CÔNG TRÌNH

Tên công trình: Công ty cổ phần thép Châu Phong

I. Chi phí trực tiếp		**2,486,096,780**
	1. Chi phí vật liệu chính	1,562,470,980
	2. Chi phí vật liệu phụ	8,286,000
	3. Chi phí nhân công	670,000,000
	4. Chi phí máy	216,726,200
	5. Chi phí khác	28,613,600
II. Chi phí quản lý doanh nghiệp		**523,482,104**
	1. Nộp kinh phí cấp trên	61,118,980
	2. Nộp thuế GTGT	277,813,545
	3. Nộp thuế TNDN	17,113,314
	4. quỹ khen thưởng phúc lợi	44,005,666
	5. Chi bộ máy xí nghiệp	123,430,598
	Tiền lương	23,200,000
	Chi phí xí nghiệp	100,230,598
Tổng chi phí thực tế		**3,009,578,884**
Giá trị quyết toán công trình		**3,055,949,000**
Thuế GTGT được hoàn		118,654,093
Chênh lệch lãi lỗ		165,024,209
Làm tròn		

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm2008

Người lập biểu Kế toán trưởng Giám đốc xí nghiệp

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

Biểu số 2.12:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi có TK 632 : Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/12/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày	TK nợ 911	Cộng ps nợ	TK 154	Cộng ps có
31/12	28,420,079,802	28,420,079,802	28,420,079,802	28,420,079,802
Cộng	**28,420,079,802**	**28,420,079,802**	**28,420,079,802**	**28,420,079,802**

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toántháng 12 năm 2008)

Biểu số 2.13:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

TK 632 - Giá vốn hàng bán

Số dư nợ đầu năm	
Nợ	Có

Tk có	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	……	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
154			8,853,472,262						28,420,079,802	50,605,819,514
PS nợ			8,853,472,262						28,420,079,802	50,605,819,514
Ps có			8,853,472,262						28,420,079,802	50,605,819,514
Dư nợ										
Dư có										

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính phản ánh tổng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ của công ty như chi phí tiền lương của cán bộ công nhân viên quản lý, chi phí thiết bị văn phòng, chi phí khấu hao phục vụ quản lý, chi phi dịch vụ mua ngoài bằng tiền khác…

Ví dụ kế toán căn cứ vào chứng từ gốc biểu số 14 - Phiếu chi và biểu số 15 - Chứng từ phân bổ khấu hao,biểu số 16 - Bảng khấu hao TSCĐ tiến hành vào sổ biểu số 17 - Nhật ký chứng từ số 10.

Biểu số 2.14:

Đơn vị :Cty CP XD & PT ĐT HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Địa chỉ:Số 5-Lạch Tray – HP ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI Quyển số :

Ngày 14 tháng 12 năm 2008 Số: 2051

Nợ: 642

Có: 111

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Minh Trang
Địa chỉ : Nhân viên phòng kế toán công ty.
Lý do chi : Chi mua văn phòng phẩm các phòng trong doanh nghiệp.
Số tiền : 800.000 (Viết bằng chữ: Tám trăm nghìn đồng chẵn)
Kèm theo:……..chứng từ gốc

Ngày 14 tháng 12 năm 2008

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu số 2.15 :

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

CHỨNG TỪ PHÂN BỔ KHẤU HAO TSCĐ, TIỀN VNĐ

Ngày 31/12/2008

Khách hàng : XNXD2
Số tiền : 52.173.348 VNĐ
Viết bằng chữ: Năm mươi hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng chẵn
Kèm theo:……. Chứng từ gốc

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
1362 - KHCB	2141	4,110,956	Khấu hao TSCĐ tháng 12
1364 - KHCB	2141	2,218,750	Khấu hao TSCĐ tháng 12
3362	2141	14,582,839	Khấu hao TSCĐ tháng 12
3364	2141	3,626,183	Khấu hao TSCĐ tháng 12
3365	2141	916,684	Khấu hao TSCĐ tháng 12
6424	2141	26,717,936	Khấu hao TSCĐ tháng 12

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập phiếu Kế toán trưởng

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

Biểu số 2.16:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

BẢNG KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12 năm 2008

Thẻ tài sản	Tên tài sản	Nguyên giá tài sản cố định					Tỷ lệ khấu hao(%)	Giá trị khấu hao trong kỳ				
		Tổng cộng	Trong đó					Tổng cộng	Trong đó			
			Ngân sách	Tự bổ sung	Tín dụng	Nguồn khác			Ngân sách	Tự bổ sung	Tín dụng	Nguồn khác
HH	**{TSCĐ hữu hình}**	5,267,293,221		3,872,867,797			0.99	52,173,348		52,173,348		
HH2	**Nhà cửa vật kiến trúc**	691,165,268		691,165,268			0.58	4,035,206		4,035,206		
NCVKT001	Phần cơi tầng nhà làm việc	81,200,058		81,200,058								
NCVKT002	Nhà làm việc (1 tầng)	42,000,030		42,000,030								
…….	…….	…….	…….	…….	…….	…….	…….	…….	…….	…….	…….	…….
NCVKT011	Nhà cửa, VKT tại khu nhà nghỉ Đồ Sơn	81,401,700		81,401,700								
HH3	**Máy móc thiết bị**	1,409,130,184		384,181,141			1.31	18,471,266		18,471,266		
MMTB0001	Máy đầm đất Nisaka	23,000,000		23,000,000								
MMTB0002	Dàn giáo túyt (2 bộ)	13,809,523		13,809,523								
MMTB0003	Máy cưa	25,000,000		25,000,000								
MMTB0004	Máy trộn bê-tông (2 máy)	39,047,618		39,047,618								
…….	…….	…….	…….	…….	…….	…….	…….	…….	…….	…….	…….	…….
MMTB0011	Máy ép gỗ WEILI	24,490,000				24,490,000	1.67	408,167		408,167		

MMTB0012	Trạm trộn bê-tông	234,000,000				234,000,000	1.39	3,250,000		3,250,000		
HH4	**Phương tiện vận tải**	2,768,489,216		2,399,012,835			1.04	28,838,429		28,838,429		
FTVT0001	Xe Mercedes BenzC200K 16H - 1889	760,631,550		760,631,550			1.04	7,923,245		7,923,245		
……	……	……	……	……	……	……	……	……	……	……	……	……
FTVT0004	Xe Mercedes E240 16H- 5889	1,240,252,000		1,240,252,000			1.04	12,919,292		12,919,292		
HH5	**Thiết bị dụng cụ quản lý**	398,508,553		398,508,553			0.21	828,447		828,447		
TBDCQL01	Máy điều hòa National	11,266,500		11,266,500								
TBDCQL02	Máy điều hòa LG	13,513,778		13,513,778								
……..	……..	……..	……..	……..	……..	……..	……..	……..	……..	……..	……..	……..
TBDCQL037	Máy ĐTDĐ Sony P910	14,181,818		14,181,818			1.67	236,364		236,364		
Cộng		**5,267,293,221**		**3,872,867,797**		**1,394,725,424**		**52,173,348**		**52,173,348**		

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

Biểu số 2.17:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

NHẬT KÍ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi có TK : 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày : 01/12/2008 đến ngày: 31/12/2008

Ngày	TK nợ 111	……	TK nợ 911	Cộng ps nợ	Tk có 111	……..	TK có 214	Tk có 3383	Tk có 3384	Cộng ps có
3/12		……		11,222,500	11,222,500	……..				
4/12		……		11,610,500		……..				
10/12		……		4,344,000		……..				
12/12		……		1,627,955		……..				
14/12		……		2,116,947	**800,000**	……..				
24/12		……		4,796,000		……..				
25/12		……		2,722,271		……..				
26/12		……				……..				1,319,160
27/12		……		2,948,765		……..				
31/12	5,068,770	……	3,472,965,157	2,925,717,424	16,184,368	……..	**26,717,936**	6,874,200	916,560	3,490,712,102
Cộng	**5,068,770**	**……**	**3,472,965,157**	**2,967,106,362**	**28,206,868**	**……..**	**26,717,936**	**6,874,200**	**916,560**	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

Biểu số 2.18:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Số dư nợ đầu năm	
Nợ	Có

Tk có	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	……	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
111	11,734,638	34,716,391	41,169,363	29,472,603	29,395,540	……	43,524,273	47,111,838	28,206,868	404,203,289
1111	11,734,638	34,716,391	41,169,363	29,472,603	29,395,540	……	43,524,273	47,111,838	28,206,868	404,203,289
112	20,872,650	35,729,161	20,659,546	16,342,661	24,152,740	……	14,410,676	37,637,726	29,366,438	304,064,493
1121	20,872,650	35,729,161	20,659,546	16,342,661	24,152,740	……	14,410,676	37,637,726	29,366,438	304,064,493
11211	20,872,650	35,729,161	20,659,546	16,342,661	24,152,740	……	14,410,676	37,637,726	29,366,438	304,064,494
11212						……	5,000			24,545
139						……			165,226,000	165,226,000
141	6,000,000	13,504,851	27,651,187	12,620,605	14,374,706	……	33,509,161	21,882,325	50,151,635	292,095,538
214	39,941,832	39,941,819	39,941,804	38,573,815	38,573,815	……	27,301,270	26,834,592	26,717,936	341,031,861
2141	30,722,631	30,722,618	30,722,603	29,354,614	29,354,614	……	27,301,270	26,834,592	26,717,636	341,031,862
2143	9,219,201	9,219,201	9,219,201	9,219,201	9,219,201	……				
242			261,182,315			……			2,341,376,151	2,698,742,006
331						……	55,000,000			55,000,000
……	……	……	……	……	……	……	……	……	……	……
334	78,826,621	109,288,166	94,046,119	110,082,187	95,323,739	……	109,193,352	118,301,357	266,883,454	1,424,448,443

335						……			44,579,430	44,579,430
338	10,369,210	10,050,150	10,394,690	10,022,760	9,722,030	……	10,444,390	10,065,860	12,598,150	123,017,030
3382	2,182,940	1,863,880	2,208,420	1,995,610	2,039,900	……	2,425,660	2,275,100	4,807,390	28,488,990
3383	7,223,180	7,223,180	7,223,180	7,082,780	6,778,350	……	7,075,350	6,874,200	6,874,200	83,407,100
3384	963,090	963,090	963,090	944,370	903,780	……	943,380	916,560	916,560	11,120,940
Ps nợ	169,244,951	243,230,538	495,045,124	218,317,631	211,542,570	……	293,383,122	261,833,698	2,967,106,362	5,962,200,090
Ps có	18,294,695	4,927,689	884,298,229	3,129,105	24,595,196	……	13,830,982	16,460,938	3,492,031,262	5,962,200,090
Dư nợ	150,950,256	389,253,105		215,188,526	402,135,900	……	279,552,140	524,924,900		
Dư có						……				

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 200

c. Chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là khoản chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính chi phí đi vay, chi phí góp vốn liên doanh, dự phòng giả giá đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ do thanh lý nhượng bán các khoản đầu tư…

TK sử dụng: TK 635.

Chứng từ sử dụng: Giấy báo nợ của ngân hàng

Sổ sách sử dụng: Nhật ký chứng từ số 10, Sổ cái TK 635

Ngày 03/12/2008 ngân hàng đầu tư và phát triển gửi giấy báo nợ cho doanh nghiệp thông báo lãi số lãi phải trả tháng 12 là 416.000 đ biểu số 19. Kế toán căn cứ vào chứng từ gốc tiến hành ghi số biểu số 21 - Nhật ký chứng từ số 10.

Biểu số 2.19:

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Mã GDV:

Mã KH:

GIẤY BÁO NỢ Số GD:

Ngày 03/12/2008

Kính gửi : Công ty cổ phần xây dựng và phát triển Hải Phòng

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung sau :

Số tài khoản ghi nợ : 321.10.00.000294

Số tiền bằng số : 416.000

Số tiền bằng chữ : Bốn trăm mười sáu nghìn đồng chẵn.

Nội dung : Tiền lãi phải trả ngân hàng.

GIAO DỊCH VIÊN KIỂM SOÁT

Biểu số 2.20:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

NHẬT KÍ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi có TK 635 - Chi phí tài chính

Từ ngày : 01/12/2008 đến ngày: 31/12/2008

Ngày	TK nợ 911	Cộng ps nợ	Tk có 111	Tk có 112	TK có 242	Tk có 335	Cộng ps có
3/12		416,000		**416,000**			
25/12		45,360,000	45,360,000				
31/12	324,577,242	186,966,404			127,024,000	59,942,404	324,577,242
Cộng	**324,577,242**	**232,742,404**	**45,360,000**	**416,000**		**59,942,404**	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

Biểu số 2.21:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính

Số dư nợ đầu năm	
Nợ	Có

Tk có	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	……	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
111			15,032,026	1,258,216		……	22,680,000		45,360,000	133,431,120
1111			15,032,026	1,258,216		……	22,680,000		45,360,000	133,413,120
112	45,736,120	38,771,640	30,559,050	248,000	43,914,650	……	5,600,000	63,554,838	416,000	332,640,710
1121	45,736,120	38,771,640	30,559,050	248,000	43,914,650	……	5,600,000	63,554,838	416,000	332,640,710
11211	45,736,120	38,771,640	30,559,050	248,000	43,914,650	……	5,600,000	63,554,838	416,000	332,640,710
136			47,851,000			……				47,851,000
1365			47,851,000			……				47,851,000
242						……				127,024,000
335						……				59,942,404
PS nợ	45,736,120	38,771,640	93,442,076	1,506,216	43,914,650	……	28,280,000	63,554,838	232,742,404	700,899,234
PS có			177,949,836			……			324,577,242	700,899,234
Dư nợ	45,736,120	84,507,760		1,560,216	45,420,866	……	28,280,000	91,834,838		
Dư có						……				

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

d. Chi phí khác.

Chi phí khác là tài khoản phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản chi phí khác…

Ví dụ ngày 25/12/2008 kế toán căn cứ vào biên bản thanh lý tài sản cố định biểu số, và phiếu chi biểu 22 số kế toán tiến hành ghi sổ kế toán vào biểu số 23.

Biểu số 2.22:

Đơn vị : Cty CP XD & PT ĐT HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Địa chỉ: Số 5-Lạch Tray – HP ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số :
Ngày 25 tháng 12 năm 2008 Số: 2115
Nợ: 811
Có: 111

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Minh Trang
Địa chỉ : Nhân viên phòng kế toán công ty.
Lý do chi : Chi vận chuyển thanh lý TSCĐ
Số tiền : 500.000 (Viết bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng chẵn)
Kèm theo:……..chứng từ gốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2008

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu số 2.23:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi có TK : 811 - Chi phí khác

Từ ngày 01/12/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày	TK nợ 911	Cộng ps nợ	TK có 111	TK có 242	Cộng ps có
25/12			**500,000**		500,000
31/12	242,500,000	242,500,000		242,000,000	242,000,000
Cộng	**242,500,000**	**242,500,000**	**500,000**	**242,000,000**	**242,500,000**

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Tổng giám đốc | Kế toán trưởng | Người lập biểu

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

Biểu số 2.24:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

TK 811 - Chi chi phí khác

Số dư nợ đầu năm	
Nợ	Có

Tk có	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	…….	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
111	7,899,000					…….			500,000	17,501,000
1111	7,899,000					…….				17,001,000
112						…….				5,035,545
1121						…….				5,035,545
138	600					…….				600
1388	600					…….				600
242						…….			242,000,000	242,500,000
Ps nợ	7,899,600					…….			242,500,000	264,537,145
Ps có	7,899,600		7,899,600			…….			242,500,000	272,436,745
Dư nợ		7,899,600				…….				
Dư có						…….				

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

e. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Biểu số 2.25:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi có TK 8211 - Chi phí thuế TNDN

Từ ngày 01/12/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày	TK nợ 911	Cộng ps nợ	TK có 333	Cộng ps có
31/12	579,542,176	579,542,176	579,542,176	579,542,176
Cộng	**579,542,176**	**579,542,176**	**579,542,176**	**579,542,176**

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

Biểu số 2.26:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

TK 821 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số dư nợ đầu năm	
Nợ	Có

Tk có	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	……	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
333						……			579,542,176	588,839,801
3334						……			579,542,176	588,839,801
PS nợ						……			579,542,176	588,839,801
Ps có						……			579,542,176	588,839,801
Dư nợ						……				
Dư có						……				

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

C. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.

- **Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán chi phí tại công ty cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.**

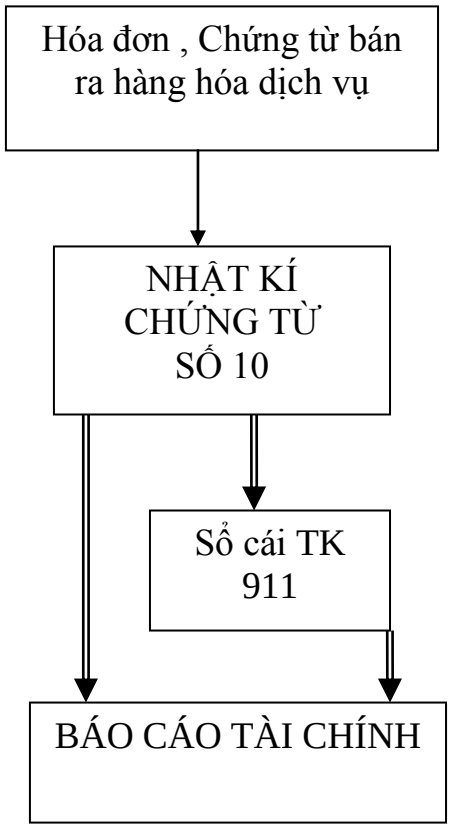

Ghi chú : Ghi hàng ngày ⟶

Ghi cuối tháng ⟹

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cũng như những doanh nghiệp sản xuất, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp xây lắp cũng phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động khác kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Xác định kết quả kinh doanh là xác định số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của một doanh nghiệp trong một thời kỳ. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Cuối quý kế toán phải làm thao tác cuối cùng là kết chuyển chi phí và các khoản doanh thu.

KQKD = (DTT – GVHB) + DTTC – CPTC – CP QLDN

Biểu số 2.27:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi có TK : 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày : 01/12/2008 đến ngày :31/12/2008

Ngày	TK nợ 511	Tk nợ 515	Tk nợ 711	Cộng ps nợ	TK có 421	Tk có 632	……	Tk có 821	Cộng ps có
31/12	35,082,545,924	509,388,688	702,061	35,592,636,673	2,552,972,296	28,420,802	……	579,542,176	35,592,636,673
Cộng	**35,082,545,924**	**509,388,688**	**702,061**	**35,592,636,673**	**2,552,972,296**	**28,420,802**	**……**	**579,542,176**	**35,592,636,673**

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

Biểu số 2.28:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Số dư nợ đầu năm	
Nợ	Có

Tk có	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	……..	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
421			1,077,072,499			……..			2,552,972,296	3,630,044,795
4212			1,077,072,499			……..			2,552,972,296	3,630,044,795
632			8,853,472,262			……..			28,420,079,802	37,273,552,064
635			177,949,836			……..			324,577,242	502,527,078
642			875,204,340			……..			3,472,956,157	4,348,160,497
6421			327,478,956			……..			568,207,063	895,686,019
6423			3,389,746			……..			31,092,175	34,481,921
6424			119,825,455			……..			80,853,798	200,679,253
6425			10,584,933			……..			-3,726,745	6,858,188
6426						……..			209,805,430	209,805,430
6427			16,578,523			……..			15,158,150	31,736,673
6428			397,346,727			……..			2,571,575,286	2,968,922,013

811			7,899,600			……..			242,500,000	250,399,600
821						……..			579,542,176	579,542,176
8211						……..			579,542,176	579,542,176
Ps nợ			10,921,598,537			……..			35,592,636,673	46,514,235,210
Ps có			10,921,598,537			……..			35,592,636,673	46,514,235,210
Dư nợ						……..				60,987,707,927
Dư có						……..				60,987,707,927

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

Biểu số 2.29:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi có TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Từ ngày 01/12/2008 đến ngày 31/12/2008

Ngày	Cộng ps nợ	Cộng ps có	TK nợ 911
31/12		2,552,972,296	2,552,972,296
Cộng		**2,552,972,296**	**2,552,972,296**

Hải Phòng ngày 31 tháng12 năm 2008

Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

Biểu số 2.30:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Số dư nợ đầu năm	
Nợ	Có

Tk có	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	……	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
333			47,400,000			……				
338			984,112,098			……				984,112,098
411			546,728,943			……				546,728,943
4112			546,728,943			……				546,728,943
414			70,293,721			……				70,293,721
415			70,293,721			……				70,293,721
431			281,174,886			……				281,174,886
4311			228,454,595			……				228,454,595
4312			52,720,291			……				52,720,291
Ps nợ			2,000,003,369			……				1,952,603,369
Ps có			1,007,072,499			……			2,552,972,296	3,617,158,412
Dư nợ						……				
Dư có	1,952,603,369	1,952,603,369	959,672,499	959,672,499	959,672,499	……	1,064,186,116	1,064,186,116	3,617,158,412	3,617,158,412

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

Biểu sô 2.31:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Qúy IV năm 2008

PHẦN I : LÃI LỖ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	KỲ NÀY NĂM TRƯỚC	KỲ NÀY	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	23,030,730,797	35,082,545,924	60,152,072,111
2. Các khoản giảm trừ	3				
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		23,030,730,797	35,082,545,924	60,152,072,111
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	20,168,163,114	28,420,079,802	50,605,819,514
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2,862,567,683	6,662,466,122	9,546,252,597
6. Doanh thu hoạt dộng tài chính	21	VI.26	56,721,925	509,388,688	803,245,112
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	185,092,010	324,577,242	700,889,234
- Trong đó chi phí lãi vay	23				
8. Chi phí bán hàng	24				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		734,194,229	3,472,965,157	5,210,463,880
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		2,000,003,369	3,374,312,411	4,438,144,595
11. Thu nhập khác	31			702,061	32,390,704
12. Chi phí khác	32			242,500,000	264,537,145
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			(241,797,939)	(232,146,441)
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,000,003,369	3,132,514,472	4,205,998,154
15.Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30		579,542,176	588,839,742
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.30			
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN(60=50-51-52)	60		2,000,003,369		
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			2,552,972,296	3,617,158,412

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán tháng 12 năm 2008)

CHƯƠNG III:
MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG.

3.1. Những nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.

Những biến động về nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty. Do đó bên cạnh những thuận lợi công ty cũng phải đối mặt với không ít những khó khăn do những yếu tố khách quan của thị trường và yếu tố chủ quan khác mang lại. Mặc dù vậy với tiềm năng sẵn có cùng với sự chỉ đạo của ban lãnh đạo công ty, với sự năng động sáng tạo, nhiệt tình của công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu lớn trong kinh doanh.

Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng là một nhà thầu xây dựng chuyên nghiệp và là nhà đầu tư có uy tín trên thị trường Hải Phòng cũng như trên cả nước với đội ngũ cán bộ công nhân viên, kỹ thuật viên được đào tạo chuyên nghiệp, năng động có tinh thần và ý thức trách nhiệm trong công việc.

Công ty đã rất năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, đã cố gắng trang bị máy móc thết bị và sản xuất thêm sản phẩm cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường hiện nay. Sản phẩm của công ty ngày càng có uy tín trên thị trường và được thị trường chấp nhận. So với trước đây thì những năm gần đây chất lượng sản phẩm của công ty đã nâng lên rõ rệt, tổng giá trị sản xuất của toàn công ty đã tăng lên rất nhiều, đời sống của cán bộ công nhân viên được cải thiện và đặc biệt là kết quả hoạt động của công ty ngày càng cao. Kết quả đó có được là nhờ có bộ máy lãnh đạo năng động, sáng tạo, nhiệt tình có bề dày kinh nghiệm, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, thường xuyên có mặt kịp thời trên các lĩnh vực.

Cùng với sự phát triển và lớn mạnh của Công ty, công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện. Kế toán đã phát huy được vai trò của mình trong quản lý kinh doanh của Công ty, góp phần

không nhỏ vào sự thành công của Công ty, trong đó công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng dần được hoàn thiện và đáp ứng được nhu cầu cung cấp thông tin cho các nhà quản lý.

3.1.1. Ưu điểm.

a. Về tổ chức công tác kế toán.

Kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kinh tế tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quết định sự thành bại trong kinh doanh, vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc giám sát, quản lý hoạt động kinh doanh. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện các nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh, đôn đốc thu tiền và cho biết nguồn tài chính hiện tại của công ty, phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu giữ thông tin tài chính quan trọng. Lập báo cáo tài chính để gửi lên các cơ quan chức năng, các đối tác làm ăn và ban lãnh đạo công ty giỏi tinh thông nghiệp vụ đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ cao, am hiểu nhiều lĩnh vực đã làm tốt công tác kế toán và lập báo cáo tài chính một cách khoa học phù hợp với nhiều đối tượng.

Công ty đã có đội ngũ kế toán đầy năng lực và kinh nghiệm làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, bộ máy kế toán được tổ chức sắp xếp phù hợp với yêu cầu và khả năng trình độ của từng người. Mỗi nhân viên trong phòng kế toán Công ty được phân công một mảng công việc nhất định trong chuỗi mắt xích công việc chung. Chính sự phân công đó trong công tác kế toán đã tạo ra sự chuyên môn hóa trong công tác kế toán, tránh chồng chéo công việc, từ đó nâng cao hiệu quả của công tác kế toán, giúp cho mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được giải quyết nhanh chóng, rõ ràng theo sự phân công công việc đã có sẵn.

Ngoài ra bộ máy kế toán của công ty còn được tổ chức theo hình thức tập trung tạo điều kiện cho kế toán trưởng kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ tập trung thống nhất, đảm bảo sự lãnh đạo của Công ty đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác kế toán. Đồng thời tạo ra sự chuyên môn hóa công việc đối với các nhân viên kế toán cũng như việc trang bị các phương tiện kỹ thuật, tính toán, xử lý thông tin.

- Hình thức tổ chức bộ máy kế toán: Hiện nay công ty áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung tức là chứng từ được gửi lên phòng kế toán của công ty để kiểm tra vào sổ và lưu trữ.

- Chứng từ kế toán: Các chứng từ sử dụng trong hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý nghiệp vụ. Các chứng từ đều sử dụng đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầu đủ, chính xác với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Kế toán phần hành nào thì lưu trữ phần hành đó.

- Tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Báo cáo tài chính: Công ty đã lập đầy đủ báo cáo tài chính theo từng quý và cả năm đảm bảo cho việc cung cấp thông tin một cách đầy đủ cho nhà quản lý, nhà đầu tư và những người quan tâm khi cần thiết trong việc đưa ra các quyết định bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Bảng kết quả kinh doanh, Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Việc chỉ đạo và kiểm tra công tác kế toán: Việc chỉ đạo và kiểm tra công tác kế toán ở công ty nhìn chung khá chặt chẽ, đảm bảo được tính thống nhất hợp lý, chính xác các số liệu, thông tin tài chính kế toán.

- Việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi: Công ty đã áp dụng đúng nguyên tắc thận trọng của kế toán về việc trích lập các khoản dự phòng. Việc trích lập các khoản dự phòng đảm bảo cho công ty có đủ vốn dự phòng trong tình huống xấu đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng trả nợ, xây dựng giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu trên lập BCTC năm báo cáo đảm bảo sự ổn định trong doanh nghiệp tránh đột biến sảy ra, tránh tình trạng bị tồn đọng vốn và phản ánh đúng kết quả kinh doanh của kỳ đó.

b. Đối với công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Trải qua một quá trình phát triển công ty đã dần dần hoàn thiện công tác hạch toán của mình. Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay đổi mới về chế độ kế toán để áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là vấn

đề hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hệ thống tài khoản và phương pháp hạch toán được áp dụng với những quy định mới của Bộ tài chính. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã gắn liền giữa tình hình sản xuất kinh doanh tại công ty với những nguyên tắc trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hạch toán nhanh chóng chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh góp phần đảm bảo tính thống nhất và nhịp nhàng trong công tác hạch toán. Hơn nữa, bộ máy kế toán còn đáp ứng số liệu báo cáo kế toán phục vụ cho nhu cầu của ban lãnh đạo công ty.

3.1.2. Tồn tại.

a. Về tài khoản sử dụng.

Tk 511: Là tài khoản phản ánh doanh thu, kế toán chi phí sử dụng TK cấp 1 không sử dụng tài khoản cấp 2 nên gây khó khăn trong việc theo dõi và phân loại doanh thu.

b. Sổ sách sử dụng.

Công ty không lập sổ chi tiết tài khoản 131, 331 nên sẽ gây khó khăn cho việc quản lý tình hình công nợ của công ty. Ngoài ra công ty nên sử dụng Nhật ký chứng từ số 8 thay cho việc sử dụng Nhật ký chứng từ sô 10 để phản ánh 131, 511, 512, 515, 632, 635, 642, 711, 811, 911 để đảm bảo công ty thực hiện đúng theo quyết định số 15 của bộ tài chính và không phải lập quá nhiều sổ giúp thuận lợi cho quá trình lưu trữ và bảo quản sổ sách.

c. Về việc thanh toán công nợ.

Việc giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn đang là một vấn đề nan giải của nhiều nàh quản lý. Trong công ty cần nhiều vốn để đáp ứng đúng tiến độ, cung cấp chi khách hàng những sản phẩm công trình, hạng mục công trình có chất lượng cao, mở rộng đối tượng quan hệ kinh doanh nhưng lại bị chiếm dụng vốn. Điều đó chứng tỏ công ty chưa áp dụng các biện pháp thu nợ hiệu quả và sử dụng các biện pháp giảm trừ doanh thu một cách hợp lý đặc biệt là khoản chiết khấu thanh toán trong bán hàng làm cuối năm 2008 số dư của tài khoản phải thu khách hàng lên tới 7.773.446.075 đ.

3.1. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng.

3.2.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thiết phải được hoàn thiện hơn trong cơ chế kinh tế mới để đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện hiện nay từ sự cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt. Vì vậy mỗi doanh nghiệp cần phải tự tìm ra cho mình một hướng đi đúng, tự hoàn thiện mình để đứng vững trên thị trường. Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính kế toán và tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Kế toán không chỉ là công cụ quản lý nền kinh tế của Nhà nước.Việc thực hiện chế độ công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải biến sao cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ mới về quản lý tài chính.

- Hoàn thiện công tác kế toán tại cơ sở phải phù hợp với đặc điểm của Doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm quản lý sản xuất kinh doanh. Hệ thống kế toán ban hành buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lai hiệu quả cao. Công tác kế toán luôn phải đáp ứng các thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Hoàn thiện nhưng phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí về mục đích kinh doanh của doanh nghiệp là phải mang lại lợi nhuận cao.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hạch toán.

Với yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do nhà nước ban hành nhưng không quá cứng nhắc mà phải linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán. Đây là những văn bản pháp lý có tính bắt buộc. Bởi vậy khi hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi người quản lý phải xem xét chúng sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán. Mặc dù vậy, doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty: mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy, việc vận dụng hệ thống chế độ thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý sang tạo phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xấut kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- Hoàn thiện song phải trên cơ sở là tiết kiệm và hiệu quả.

3.2.3. Một số biện pháp.

a. Về tài khoản sử dụng:

Công ty nên sử dụng tài khoản 511 chi tiết đến cấp 2:

- Doanh thu bán hàng (TK 5111): là doanh thu (số tiền) nhận được hoặc người mua chấp nhận cam kết sẽ trả về khối lượng hàng hóa đã giao.

- Doanh thu bán thành phẩm (TK 5112): Là tổng doanh thu khối lượng sản phẩm đã được coi là tiêu thụ của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ (TK 5113): Là tổng thu về số tiền đã nhận được hay người mua đã chấp nhận, cam kết thanh toán trong kỳ về khối lượng lao vụ, dịch vụ đã cung cấp.

- Doanh thu trợ giá (TK 5114): Là khoản trợ giá, trợ cấp của nhà nước cho doanh nghiệp khi doanh nghiệp thực hiện nghiệp vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của nhà nước.

- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư (TK 517): Tìa khoản này dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư

Điều đó sẽ làm cho việc theo dõi và phân loại doanh thu thuận lợi và dễ dàng hơn.

b. Về sổ sách sử dụng.

* Công ty nên sử dụng mẫu sổ S31 – DN " Sổ chi tiết thanh toán với người mua(người bán)" để thuận lợi cho việc theo dõi tình hình thanh toán với người mau, người bán theo từng đối tượng, từng thời hạn thanh toán đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Bộ tài chính, đảm bảo cho công việc hạch toán một cách nhanh chóng, chính xác.

Căn cứ và phương pháp ghi sổ:

Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) được mở theo từng tài khoản, theo từng đối tượng thanh toán.

- Cột A: Ghi ngày, tháng, năm kế toán ghi sổ
- Cột B, C: Ghi số hiệu, ngày, tháng của chứng từ dùng để ghi sổ
- Cột D: Ghi nội dung của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Cột E: Ghi số hiệu tài khoản đối ứng
- Cột 1: Ghi thời hạn được hưởng chiết khấu thanh toán trên hóa đơn mua (bán) hàng hoặc các chứng từ liên quan đến việc mua (bán) hàng
- Cột 2, 3: Ghi số phát sinh bên Nợ (hoặc bên Có của tài khoản)
- Cột 4, 5: Ghi số dư bên nợ (Có) sau từng nghiệp vụ thanh toán

* Công ty nên sử dụng mẫu sổ S04a8-DN " Nhật ký chứng từ số 8" để tiết kiệm được cho việc sử dụng sổ sách sẽ gây khó khăn cho việc lưu trữ và bảo quản chứng từ, sổ sách trong khi các nghiệp vụ phát sinh rất nhiều chứng từ.

Nhật ký chứng từ số 8 dùng để phản ánh số phát sinh bên Có TK 155, 156, 167, 158, 159, 131, 511, 512, 515, 521, 531, 532, 632, 635, 641, 642, 711, 811, 911,

các dòng ngang phản ánh số phát sinh bên Nợ của các tài khoản liên quan với các tài khoản ghi Có ở các cột dọc.

* Ngoài ra công ty cần bổ sung thêm bảng kê số 5 - Tập hợp chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí quản lý doanh nghiệp, mẫu số S04b5-DN. Bảng kê được sử dụng trong các trường hợp khi các chỉ tiêu hạch toán chi tiết của một số các tài khoản không thể kết hợp trực tiếp trên NKCT được. Khi sử dụng bảng kê thì số liệu của chứng từ gốc trước hết được ghi vào bảng kê. Cuối tháng số liệu tổng cộng của các bảng kê được chuyển vào NKCT có liên quan nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu và chuyển số cuối tháng.

Bảng kê số 5 dùng để tổng hợp số phát sinh có của các TK 214,242, 334,335,338 đối ứng bên nợ của các TK 242, 642.

Bảng kê số 5 gồm có các cột số thứ tự, các cột dọc phản ánh số phát sinh bên có của các TK 214, 242, 334,335,338. Các dòng ngang phản ánh chi phí đầu tư XDCB, chi phí QLDN.

Cơ sở để ghi vào bảng kê số 5 là các bảng phân bổ số 1, số 2, số 3, các bảng kê và NKCT có liên quan để ghi vào các cột và các dòng phù hợp với bảng kê số 5. Số liệu tổng hợp của bảng kê số 5 sau khi đã khóa sổ cuối tháng hoặc cuối quý được dung để ghi vào NKCT số 7.

Dưới đây là mẫu sổ " Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)" , "Nhật ký chứng từ số 8" và bảng kê số 5.

Biểu số 3.1:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Dùng cho TK: 131, 331
Tài khoản: 131
Đối tượng: Công ty Cổ phần thép Châu Phong
Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ						564.800.000
			- Số phát sinh trong kỳ						
		1/12	Cty CP thép Châu Phong ứng thêm tiền Cho doanh nghiệp	111			120.250.000		
		15/12	Thanh toán 2 khối lượng đã hoàn thành.	112			300.250.000		
			……						
			- Cộng số phát sinh			4.958.124.000	4.000.850.000		
			- Số dư cuối kỳ					392.474.000	

- Số này có … trang, đánh số từ trang 01 đến trang…
- Ngày mở sổ

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

Biểu số 3.2:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG

Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Ghi có các TK: 131, 511, 515, , 632, 635, 642, 711, 811, 911

Số TT	Số hiệu TK ghi nợ	Các TK ghi có / Ghi nợ các TK	131	511	515	632	635	642	711	811	911	Cộng
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	17
	111	Tiền mặt	355.141.305		234.772.546			5.068.770	700.000			595.682.621
	112	Tiền gửi ngân hàng	5.528.045.169		101.906.662			1.319.160				5.631.270.991
	113	Tiền đang chuyển										
	131	Phải thu của khách hàng		17.662.255.017					2.061			17.662.257.078
	138	Phải thu khác			45.864.073							45.864.073
	128	Đầu tư ngắn hạn khác										
	222	Vốn góp kinh doanh										
	511	Doanh thu bán hành và cung cấp dịch vụ									35.082.545.924	35.082.545.924
	632	Giá vốn hàng bán										
	139	Dự phòng nợ phải thu khó đòi										
	159	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho										
	911	Xác định kết quả kinh doanh				28.420.079.802	324.577.242	3.472.965.157		242.000.000		32.459.622.201
	…..											
		Cộng	5.883.186.474	17.662.255.017	382.543.281	28.420.079.802	324.577.242	3.479.353.087	702.061	242.000.000	35.082.545.924	91.477.242.888

Hải Phòng, ngày31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

Biểu số 3.3:

CÔNG TY CP XD VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
Số 5 - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

BẢNG KÊ SỐ 5

Tập hợp: - Chi đầu tư XDCB (TK 242)
- Chi phí QLDN (TK 642)
Tháng 12 năm 2008

Số TT	Các TK ghi có / Các TK ghi Nợ	214	242	334	335	338	Các TK phản ánh ở các NKCT khác			Cộng chi phí thực tế trong tháng
							NKCT số 1	NKCT số2	….	
1	Tk 2411- Mua sắm TSCĐ								….	
2	TK 2413- Sửa chữa lớn TSCĐ								….	
3	TK 641- Chi phí bán hàng								….	
4	TK 642-Chi phí QLDN								….	
5	- Chi phí nhân viên quản lí			268,883,454		12,598,150	16,462,500		….	297,944,104
6	- Chi phí vật liệu quản lí								….	
7	- Chi phí đồ dùng VP								….	31,092,175
8	- Chi phí khấu hao TSCĐ	26,717,936							….	26,717,936
9	- Thuế,phí và lệ phí							175,000	….	175,000
10	- Chi phí dự phòng								….	209,805,430
11	- Chi phí dịch vụ mua ngoài				44,579,430			8,600,938	….	8,600,938
12	- Chi phí bằng tiền khác		2,341,376,151				11,744,368	20,590,500	….	2,392,770,779
Cộng		26,717,936	2,341,376,151	-	44,579,430	-	11,744,368	29,366,438	-	2,967,106,362

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc

c. Các khoản chiết khấu thanh toán.

Để giảm bớt cần tối đa tình trạng chiếm dụng vốn từ phía khách hàng công ty cần áp dụng hơn nữa các loại chiết khấu khi bán hàng. Công ty cần có biện pháp tích cực như nếu khách hàng thanh toán ngay hoặc thanh toán trước thì sẽ được chiết khấu từ 0,2 % - 2% trên tổng số tiền thanh toán ngay tại thời điểm đó. Nếu thanh toán chậm thì phải chịu một mức phạt nhất định (lã trả chậm). Như vậy công ty có khả năng thu hồi vốn nhanh luân chuyển được vòng quay vốn lưu động.

Ví dụ đối với việc thanh toán theo tiến độ hợp đồng của công ty Cổ phần thép Châu Phong theo hóa đơn số 0046175 ngày 31/12/2008 là đúng tiến độ trong hợp đồng thì doanh nghiệp sẽ tiến hành chiết khấu thanh toán cho công ty thép Châu Phong một khoản là 0,5% trên tổng số tiền thanh toán ngay tại thời điểm đó. Cụ thể với số tiền thanh toán theo hóa đơn là 3.055.949.000 đồng thì công ty cổ phần thép Châu Phong sẽ được hưởng chiết khấu một khoản là

3.055.949.000 x 0.5% = 15.279.745 đồng.

Khoản tiền này được hạch toán vào tài khoản 635- Chi phí hoạt động tài chính, nếu thanh toán ngay bằng tiền thì kế toán sẽ tiến hành định khoản:

Nợ 635: 15.279.745

Có TK 112 (111): 15.279.745

Còn khi số tiền bày được trừ vào số phải thu khách hàng thì kế toán sẽ tiến hành định khoản:

Nợ TK 635: 15.279.745

(Nợ TK 111, 112: 15.279.745)

Có TK 131: 15.279.745

Sau đó kết chuyển khoản chi phí này vào tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh, để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

Nợ 911: 15.279.745

Có 635: 15.279.745

d. Về việc quản lý chứng từ.

Do địa bàn hoạt động của công ty rộng: Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh, Thái Nguyên… nên trong việc tiếp nhận chứng từ hóa đơn GTGT, hóa đơn bán

hàng, bảng lương về chi phí phát sinh ở các đội xây dựng, kế toán đã không chú ý kiểm tra nội dung của các chứng từ nên đôi khi nhiều hóa đơn, bảng lương… về chi phí phát sinh ở các đội xây dựng đã bị ghi trùng nội dung. Từ đó làm cho việc tập hợp chi phí sản xuất cho các công trình, hạng mục công trình bị trùng lặp gây trở ngại cho việc tập hợp chi phí. Trong thời gian tới phòng kế toán phải thường xuyên kiểm tra đối chiếu để việc tập hợp chi phí được chính xác, hiệu quả không gây mất thời gian đối với những nghiệp vụ trùng lặp.

e. Về việc xác định kết quả kinh doanh.

Hiện nay công ty thực hiện với việc lập báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng một lần xong hàng tháng công ty vẫn thực hiện xác định kết quả kinh doanh cho tháng đó và lập báo cáo quản trị để gửi lên ban lãnh đạo công ty để kịp thời theo dõi đánh giá và có biện pháp hữu hiệu nhất có thể tăng doanh thu trong những tháng tới. Đây là một việc làm tốt công ty cần phát huy và thực hiện thường xuyên.

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu lý luận, cùng với việc tìm hiểu thực tế về công tác tổ chức lập báo cáo tài chính tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng, em thấy rằng việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò hết sức quan trọng để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như sự tồn tại của doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng, em càng có điều kiện nghiên cứu thực tế về công tác kế toán tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh và cũng nhận thức được vai trò của vấn đề này đối với doanh nghiệp.

Với kiến thức đã học cùng với việc tiếp cận thực tế, em mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Tuy nhiên do trình độ còn non kém và lần đầu tiên được tiếp cận với thực tế nên bài viết của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong sự thông cảm của các thầy cô, ban giám đốc cùng các cán bộ công nhâ n viên phòng kế toán.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các bác, các cô chú, anh chị trong Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Hải Phòng. Em cảm ơn sự dẫn dắt chỉ bảo tận tình của nhà trường, các thầy, các cô trong khoa quản trị kinh doanh.Cuối cùng em xin cảm ơn Th.s Nguyễn Thị Thúy Hồng đã trực tiếp giúp đỡ và chỉ bảo tận tình giúp em hoàn thành bài luận văn của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Mai Thanh Tân